

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

(Tài liệu để công bố)

Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200236845
- Vốn điều lệ: 3.269.600.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 3.269.600.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
- Số điện thoại: 031.3859.945
- Số fax: 031.3859.973
- Website: www.haiphongport.com.vn
- Mã cổ phiếu: PHP
- Quá trình hình thành và phát triển:

Cảng Hải Phòng do Pháp xây dựng từ năm 1874 và chuyển giao lại cho chính quyền cách mạng năm 1955 sau khi Hải Phòng hoàn toàn được giải phóng.

Ngày 21/3/1956, Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện (Nay là Bộ Giao thông vận tải) Nguyễn Trân đã ký Nghị định số 17/NĐ về việc đặt Cảng Hải Phòng trực thuộc ngành vận tải thủy để phụ trách, quản lý Cảng Hải Phòng.

Ngày 25/6/1965, Cục đường biển Việt Nam có Quyết định số 162/QĐ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của Cảng Hải Phòng.

Từ những năm 1960, Cảng Hải Phòng bắt đầu được xây dựng và cải tạo lại theo thiết kế quy hoạch nâng cấp Cảng Hải Phòng do Liên Xô giúp đỡ. Đến năm 1982, việc xây dựng cải tạo Cảng cơ bản hoàn thành với 11 cầu tàu có tổng chiều dài khoảng 1.750 m tại khu vực Cảng chính, có thể đón tàu 10.000DWT ra vào để xếp dỡ hàng hóa. Từ năm 1960 đến năm 1985, Cảng Hải Phòng còn hình thành thêm khu vực Cảng Vật Cách, khu vực Cảng Đoạn Xá và Cảng Chùa Vẽ.

Ngày 11/3/1993, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 376/QĐ/TCCB-LĐ thành lập lại Doanh nghiệp Nhà nước Cảng Hải Phòng.

Tháng 6 năm 2008, Cảng Hải Phòng chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 3088/QĐ-BGTVT ngày 12/10/2007 của Bộ Giao thông vận tải.

Ngày 4/2/2013, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 276/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015.

Ngày 15/3/2013, Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ra quyết định số 103/QĐ-HHVN về việc phê duyệt danh sách các đơn vị thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện cổ phần hóa trong đó có Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.

Ngày 8/4/2014, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ra quyết định số 118/QĐ-HHVN về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng thành công ty cổ phần.

Ngày 04/7/2014, Cảng Hải Phòng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5, hoàn tất việc chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng sang hình thức công ty cổ phần. Cảng Hải Phòng được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 18/7/2014.

Ngày 12/08/2015 Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) bắt đầu niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: PHP.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- o Bốc xếp hàng hóa
- o Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ và đường thủy nội địa
- o Cho thuê kho bãi, văn phòng
- o Môi giới thuê tàu biển; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, nâng hạ hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan.
- o Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa
- o Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- o Sửa chữa container; dịch vụ vệ sinh container
- o Giáo dục nghề nghiệp
- o Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá.
- o Lai dắt và hỗ trợ tài biển
- o Sửa chữa máy móc, thiết bị
- o Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng, cầu tàu, bến bãi
- o Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- o Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
- o Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm quầy bar)

2.2. Địa bàn kinh doanh: Tại thành phố Hải Phòng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

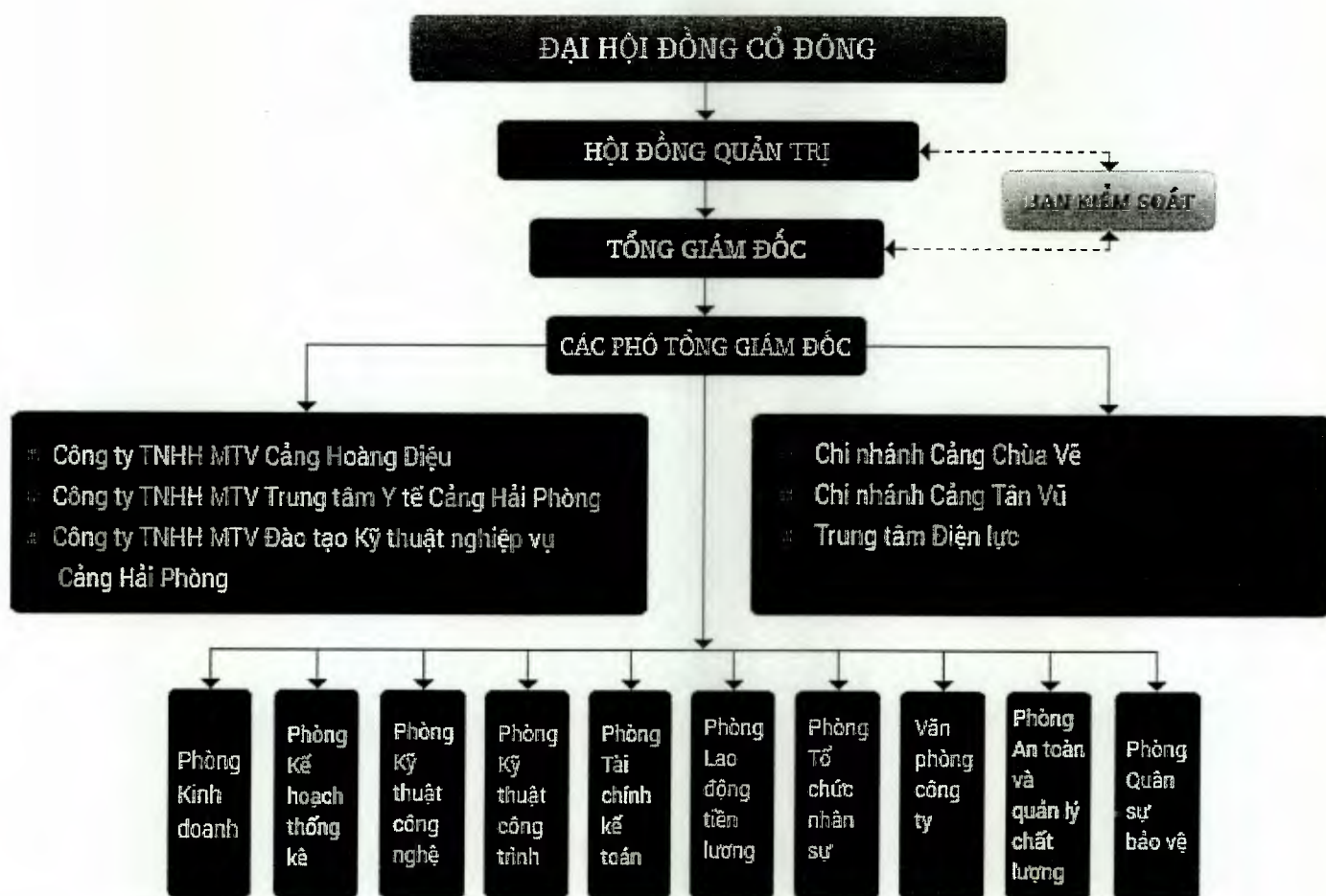
3.1. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS), Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế

toán trưởng, các Chi nhánh, các Phòng ban chức năng, các doanh nghiệp Cảng Hải Phòng có vốn góp.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG



3.3. Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu (%)
CÔNG TY CON					
1	Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Số 3 Đường Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Bốc xếp hàng hóa	430.000.000.000	100%
2	Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải	Số 5 đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng	Giáo dục nghề nghiệp	1.000.000.000	100%

	Phòng	Bàng, Thành phố Hải Phòng			
3	Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Số 23 đường Lương Khánh Thiện, phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	15.000.000.000	100%
4	CTCP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	Phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Kinh doanh kho, bãi. Dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa. Dịch vụ xuất nhập khẩu. Vận tải hàng hóa đa phương thức. Dịch vụ hàng hải. - Khai thác - Kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công san lấp mặt bằng. Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh. - Kinh doanh cho thuê nhà, văn phòng, nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch. - Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng. - Kinh doanh và vận tải xăng dầu. - Mua bán và cho thuê các loại máy, thiết bị, phụ tùng, vật tư ngành khai thác cảng. - Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông và công nghiệp. - Mua bán sắt, thép, kim loại màu, phế liệu phá dỡ tàu biển. - Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh và đầu tư phát triển 	204.000.000.000	51%

			nhà ở.		
5	CTCP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	Số 4 Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Bốc xếp hàng hóa, bảo quản, giao nhận hàng hóa - Dịch vụ chuyển tải hàng hóa - Cho thuê tàu lai - Hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải thủy - Hoạt động tàu lai đưa tàu cập bến cảng - Trục vớt tàu thuyền - Kinh doanh kho bãi 	16.200.000.000	60%
CÔNG TY LIÊN KẾT					
1	Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Đình Vũ	KCN Đình Vũ, Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Kho bãi, bốc xếp, lưu kho, vận tải hàng hóa	Gián tiếp qua CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ là 13.680.000.000	23,26%
2	Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ	KCN Đình Vũ, Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Kho bãi, bốc xếp, lưu kho, vận tải hàng hóa	Gián tiếp qua CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ là 128.672.013.800	26,01%
3	Công ty cổ phần Vận tải Container Đông Đô	Số 21 Võ Thị Sáu, Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	6.300.000.000	32,24%
4	Công ty cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Đầm Mắm, Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	3.000.000.000	20,12%
5	Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại hàng hải Hải Phòng	Tầng 2, Tòa nhà số 2 Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	23.500.000.000	27,61%
6	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	Số 3 Đường Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Hoạt động kinh doanh bất động sản	31.440.000.000	35,31%

7	Công ty cổ phần Vinalines Đông Bắc	Số 55 Nguyễn Trãi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5.000.000.000	58,82%
8	Công ty cổ phần HGH Logistics	Lô đất CN 2.6A, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	11.596.000.000	38,80%

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Cảng Hải Phòng:

+ Phát huy truyền thống, giữ vững thương hiệu Cảng Hải Phòng - Cảng chủ lực của miền Bắc đất nước; đảm bảo xây dựng và phát triển Cảng Hải Phòng theo đúng định hướng, tạo sự ổn định và phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu; giữ vững và phát triển thị trường, ổn định việc làm và thu nhập của người lao động.

+ Đổi mới hệ thống quản trị; mở rộng các dịch vụ để tạo thành sức mạnh tổng hợp tăng năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu khách hàng; cơ cấu lại lao động, đổi mới công nghệ xếp dỡ, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp.

- Định hướng phát triển Cảng Hải Phòng giai đoạn 2017-2020:

+ Tập trung hoàn thiện công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ kết hợp với việc trang bị hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, nhằm đảm bảo mục tiêu: sản lượng thông qua 1,5 triệu TEU/năm, năng suất ngang với các cảng tiên tiến trong khu vực và là cảng số 1 tại Việt Nam.

+ Từ nay đến năm 2020 đầu tư 02 bến container tại khu vực Lạch Huyện theo định hướng phát triển mở rộng của Cảng Hải Phòng, giữ được thị phần và giữ được các khách hàng container lớn.

+ Có kế hoạch di dời và sử dụng hiệu quả các bến tại khu vực Hoàng Diệu và Chùa Vẽ.

+ Tiếp tục sắp xếp lại cơ cấu tổ chức trên cơ sở tăng năng suất lao động. Xác định mục tiêu nhiệm vụ xuyên suốt là cảng trọng tâm của khu vực dẫn đầu về sản lượng xếp dỡ hàng container, tiếp tục duy trì vai trò cảng tổng hợp lớn nhất ở phía Bắc, xếp dỡ tất cả các mặt hàng (trong đó có hàng quân sự, lỏng). Khai thác có hiệu quả năng lực nội tại của Cảng Hải Phòng nhằm gia tăng chất lượng dịch vụ, tiết giảm chi phí sản xuất đảm bảo tính cạnh tranh.

+ Giữ vững và mở rộng khai thác tại các khu vực vùng nước.

+ Nghiên cứu mở rộng các dịch vụ phụ trợ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Cam kết áp dụng và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001. Tuân thủ các quy định về môi trường theo luật định, sử dụng tiết kiệm trong sản xuất (điện, nước, nguyên nhiên vật liệu, ...)

5. Các rủi ro

- Ngày 06/01/2017 thành phố Hải Phòng khởi công xây dựng cầu Hoàng Văn Thụ, dự kiến hoàn thành quý I/2019. Cảng Hải Phòng phải thực hiện bàn giao mặt bằng tại khu vực bến 9,10,11 của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu (đơn vị do Cảng Hải Phòng nắm giữ 100% vốn điều lệ) để phục vụ việc xây cầu.

- Từ 01/01/2017, thành phố Hải Phòng tiến hành thu phí “Sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ khu vực các cửa khẩu cảng biển Hải Phòng” đối với tất cả hàng hóa tạm nhập, tái xuất, hàng chuyển khẩu, hàng gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh. Khách hàng có xu hướng chuyển hướng khai thác ngoài khu vực Hải Phòng để giảm chi phí.

- Tháng 3/2017, thành phố Hải Phòng bắt đầu triển khai xây cầu vượt tại ngã ba Chùa Vẽ - Đình Vũ, phương tiện vận chuyển không thể lưu thông qua khu vực xây dựng cầu làm tăng cự ly vận chuyển của khách hàng nên một số khách hàng di dời cảng khai thác để giảm chi phí.

- Nhà nước ban hành giá sàn bốc xếp hàng container và bắt đầu thực hiện từ 01/07/2017 làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Cảng Hải Phòng.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2016, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng mức tăng trưởng sản lượng của Công ty cao hơn so với mức tăng trưởng của khu vực Hải Phòng (Mức tăng trưởng sản lượng của Cảng Hải Phòng là 10,9%, trong khi đó mức tăng trưởng sản lượng khu vực Hải Phòng là 6,0%). Cảng Hải Phòng đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong các mặt công tác, với các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và năng suất lao động trong năm 2016 đều tăng so với thực hiện năm 2015 (Sản lượng tăng 10,9%, doanh thu tăng 7,8%, lợi nhuận tăng 13,7%, năng suất lao động tăng 5,9%). Công tác kinh doanh, đầu tư, sửa chữa... đều được triển khai theo tiến độ đã đề ra, trật tự trị an và an ninh chính trị được giữ vững. Tuy nhiên, mặc dù đã có nhiều cố gắng song vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trong năm 2016, Cảng Hải Phòng tiếp tục triển khai thực hành tiết kiệm trong toàn doanh nghiệp, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Thực hiện tốt chủ trương phát triển Cảng xanh, văn minh, hiện đại; thực hiện bảo toàn vốn cho doanh nghiệp và đầu tư có trọng điểm, có hiệu quả; tích cực tham gia đóng góp cho cộng đồng, xã hội dưới nhiều hình thức, chung tay góp sức xây dựng thành phố văn minh, giàu mạnh.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

2.1.1. Tổng Giám đốc Nguyễn Hùng Việt

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Quê quán: Xã Minh Quân, Huyện Trần Yên, Tỉnh Yên Bái
- Nơi ở hiện nay:
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
12/1978 ÷ 06/1987	Cảng Hải Phòng - Công nhân lái cần trục đế
07/1987 ÷ 03/2000	Cảng Hải Phòng - Cán bộ đoàn chuyên trách
04/2000 ÷ 10/2003	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Chánh Văn phòng Công đoàn
11/2003 ÷ 10/2005	Tổng Công ty xây dựng đường thủy - Trưởng phòng, trợ lý Tổng Giám đốc
10/2005 ÷ 06/2009	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Phó Trưởng ban Tổ chức tiền lương, trợ lý Chủ tịch Hội đồng thành viên
07/2005 ÷ 03/2011	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Tổ chức tiền lương
04/2011 ÷ 10/2013	Cảng Hải Phòng - Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty
10/2013 ÷ 06/2014	Cảng Hải Phòng - Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty
07/2014 ÷ đến nay	Cảng Hải Phòng - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

2.1.2. Phó Tổng Giám đốc Trương Văn Thái:

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp: CA Hải Phòng
- Quê quán: Xã Nghĩa Thịnh, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định
- Nơi ở hiện nay:

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý và Điều hành cảng biển, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Cử nhân Anh Văn
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
08/1979 ÷ 12/1989	Cảng Hải Phòng - Cán bộ điều hành sản xuất
01/1990 ÷ 12/1993	Cảng Hải Phòng - Thư ký Tổng hợp
01/1993 ÷ 05/1995	Ban quản lý dự án Cảng Hải Phòng - Phó Chủ nhiệm điều hành
05/1995 ÷ 03/1998	Ban quản lý dự án - Cảng Hải Phòng - Phó Chủ nhiệm điều hành
03/1998 ÷ 05/2003	Ban quản lý dự án Cảng Hải Phòng - Chủ nhiệm điều hành dự án
05/2003 ÷ 06/2014	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc
07/2014 ÷ đến nay	Cảng Hải Phòng - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam, thành viên HĐQT Công ty cổ phần vận tải container Đông Đô.

2.1.3 Phó Tổng Giám đốc Cao Trung Ngoan:

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Quê quán : Thái Thụy - Thái Thụy - Thái Bình
- Nơi ở hiện nay:
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; Kỹ sư Kinh tế vận tải biển; Cử nhân Nga văn.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
11/1981 ÷ 06/2001	Cảng Hải Phòng – Cán bộ nghiệp vụ
06/2001 ÷ 01/2003	Cảng Hải Phòng - Phó Giám đốc Xí nghiệp xếp dỡ & Vận tải Đình Vũ
01/2003 ÷ 02/2006	Cảng Hải Phòng - Phó Giám đốc Xí nghiệp xếp dỡ & Vận tải Bạch Đằng
02/2006 ÷ 01/2007	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng Lao động tiền lương
02/2007 ÷ 11/2008	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Hành chính quản trị
11/2008 ÷ 04/2011	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Khai thác
04/2011 ÷ 06/2014	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc
07/2014 ÷ đến nay	Cảng Hải Phòng - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty - Cổ Phần Cảng Hải Phòng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng;

2.1.4 Phó Tổng Giám đốc Phan Tuấn Linh:

- Giới tính: Nam

- Sinh ngày:

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

- Quê quán: Xã Đức Yên, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh

- Nơi ở hiện nay:

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu thủy

- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
08/1996 - 11/1999	Công ty Trafedil Hải Phòng - Cán bộ kỹ thuật
11/1999 - 08/2000	XNXD & Vận tải thủy Cảng Hải Phòng - Cán bộ kỹ thuật
08/2000 - 05/2004	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên phòng Kế hoạch Đầu tư
05/2004 - 12/2004	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên phòng Đầu tư và đổi mới công nghệ
12/2004 - 02/2007	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên phòng Kỹ thuật công nghệ
02/2007 - 07/2008	Cảng Hải Phòng - Phó trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
07/2008 - 04/2012	Cảng Hải Phòng - Phó trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
04/2012 - 06/2013	Cảng Hải Phòng - Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
06/2013 - 06/2014	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
07/2014 - 09/2015	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
09/2015 - nay	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, thành viên HĐQT Công ty cổ phần lai dất và vận tải Cảng Hải Phòng.

2.1.5 Phó Tổng Giám đốc Phạm Hồng Minh:

- Giới tính: Nam

- Sinh ngày:

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

- Quê quán: Xã Tụ Tân, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình

- Nơi ở hiện nay:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Kỹ thuật ,Kỹ sư Công trình thuỷ, Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
11/1997 – 09/2001	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Công trình
09/2001 – 12/2010	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công trình
12/2010 – 09/2015	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Kỹ thuật Công trình,
09/2015 – nay	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hàng hải Hải Phòng, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần HGH Logistics.

2.1.6 Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Tường Anh:

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp: CA Hải Phòng
- Quê quán: Phường Trần Phú – Thành phố Hải Dương – Tỉnh Hải Dương
- Nơi ở hiện nay: .
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
06/1994 - 09/1995	Cảng Hải Phòng - Cán bộ chỉ đạo Xí nghiệp Containe
10/1995 - 06/2001	Chi nhánh Công ty vận tải và thuê tàu (Vietfracht) Hải Phòng - Nhân viên phụ trách chứng từ Phòng đại lý Hãng tàu Mitsui OSK Lines
07/2001 - 09/2002	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên Phòng Kinh doanh
10/2002 - 01/2007	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng Phòng Đại lý và Môi giới hàng hải
02/2007 - 06/2010	Cảng Hải Phòng - Phó giám đốc XNXD Chùa Vẽ
07/2010 - 03/2012	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng Kinh doanh
04/2012 - 03/2015	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Kinh doanh
04/2015 - 06/2016	Cảng Hải Phòng - Giám đốc Chi nhánh Cảng Tân Vũ
07/2016 - nay	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần vận tải container Đông đô Cảng Hải Phòng, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn.

2.1.7 Kế toán trưởng Trần Thị Thanh Hải:

- Giới tính: Nữ
- Sinh ngày:
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Quê quán: Xã Bình Minh, Huyện Nam Trực, Nam Định
- Nơi ở hiện nay:
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Ngành kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
08/1993 - 01/1998	Cảng Hải Phòng - XNXD & Vận tải thủy - Nhân viên kế toán Ban Tài chính kế toán
02/1996 - 06/1999	Cảng Hải Phòng - Kiểm toán viên Phòng Kiểm toán nội bộ
07/1999 - 04/2002	Cảng Hải Phòng - XNXD & Vận tải thủy - Phó Trưởng Ban Tài chính kế toán
05/2002 - 12/2002	Cảng Hải Phòng - XN sửa chữa cơ khí - Trưởng Ban Tài chính kế toán
04/2004 - 11/2013	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng TCKT
12/2013 - 06/2014	Cảng Hải Phòng - Thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng phòng tài chính kế toán
07/2014 - đến nay	Cảng Hải Phòng - Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán Trưởng

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng BKS Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Trưởng BKS Công ty cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng, thành viên BKS Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hàng hải Hải Phòng.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2016 đã có những thay đổi trong Ban điều hành CTCP Cảng Hải Phòng như sau:

- Ông Bùi Chiến Thắng nghỉ hưu theo chế độ từ 01/09/2016.
- Ông Nguyễn Tường Anh được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc theo Quyết định số 5038/QĐ-CHP ngày 12/7/2016 của Hội đồng quản trị Công ty

2.3. Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tính đến 31/12/2016: 3.372 người

Các chính sách đối với người lao động được CTCP Cảng Hải Phòng xây dựng và thực hiện trên cơ sở quy định pháp luật của Nhà nước, Thỏa ước lao động tập thể.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư:

Trong năm 2016, Cảng Hải Phòng đã tập trung đầu tư hoàn thiện khu vực Đình Vũ, đầu tư đổi mới phương tiện thiết bị và một số hạng mục của dự án hệ thống quản lý công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, chất lượng dịch vụ. Các dự án hoàn thành xong đã kịp thời đưa vào khai thác và đạt hiệu quả cao. Đồng thời, công ty đã tiến hành rà

soát và điều chỉnh một số dự án cho phù hợp với thực tiễn và yêu cầu của thị trường. Bên cạnh đó, Cảng Hải Phòng đã tích cực, chủ động đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước tạo điều kiện hoàn thành các thủ tục pháp lý để có thể triển khai Dự án xây dựng bến cảng tại khu vực Lạch Huyện. Hiện tại Chính phủ đồng ý về chủ trương giao Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thông qua Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng được trực tiếp đầu tư 02 bến cảng và khu dịch vụ hậu cần logistics ở khu vực Cảng Lạch Huyện.

Khối lượng thực hiện các dự án đầu tư năm 2016 thực hiện 115,247 tỷ đồng đạt 25,6% kế hoạch năm 2016 (449,67 tỷ đồng), và đạt 26,1% so với kế hoạch đã được điều chỉnh (440,92 tỷ đồng). Trong đó đầu tư cơ sở hạ tầng đạt 34,8% kế hoạch năm, đầu tư thiết bị đạt 27,9% kế hoạch năm, đầu tư công nghệ thông tin đạt 9,7% kế hoạch năm.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Dự án đầu tư	Kế hoạch năm 2016 Đ/chỉnh	Thực hiện năm 2016	So sánh TH/KH2016 (%)
1				
2				
3				
	Tổng còn	440,92	115,247	26,1

Việc thực hiện các dự án đầu tư năm 2016 đạt 26,1% so với kế hoạch do trong năm 2016 Cảng Hải Phòng giãn tiến độ một số dự án chưa cấp thiết; một số dự án đầu tư mới, việc chuẩn bị đầu tư chậm tiến độ, mất nhiều thời gian do phải thực hiện các thủ tục đầu tư theo các quy định của Nhà nước.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

3.2.1. Công ty con

a. Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu

- Kết quả sản xuất kinh năm 2016

+ Doanh thu: 507,47 tỷ đồng

+ Chi phí: 439,63 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 67,84 tỷ đồng

+ Lợi nhuận sau thuế: 54,15 tỷ đồng

- Tình hình tài chính:

+ Tổng tài sản tính đến 31/12/2016: 544,21 tỷ đồng.

+ Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2016: 113,19 tỷ đồng

+ Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2016: 431,02 tỷ đồng

b. Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng

- Kết quả sản xuất kinh năm 2016

- + Doanh thu: 4,88 tỷ đồng
- + Chi phí: 4,51 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 378,2 triệu đồng
- + Lợi nhuận sau thuế: 298,1 triệu đồng
- Tình hình tài chính:
 - + Tổng tài sản tính đến 31/12/2016: 16,17 tỷ đồng.
 - + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2016: 1,17 tỷ đồng
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2016: 15 tỷ đồng
- c. Công ty TNHH MTV Đào tạo KTNV Cảng Hải Phòng*
- Kết quả sản xuất kinh năm 2016
 - + Doanh thu: 4,57 tỷ đồng
 - + Chi phí: 4,55 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 20,1 triệu đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế: 15,4 triệu đồng
- Tình hình tài chính:
 - + Tổng tài sản tính đến 31/12/2016: 2,49 tỷ đồng
 - + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2016: 1,49 tỷ đồng
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2016: 01 tỷ đồng
- d. Công ty Cổ Phần Lai dắt và vận tải Cảng Hải Phòng*
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016:
 - + Doanh thu: 79,82 tỷ đồng
 - + Chi phí: 73,39 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 6,43 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế: 5,09 tỷ đồng
- Tình hình tài chính:
 - + Tổng tài sản tính đến 31/12/2016: 43,76 tỷ đồng.
 - + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2016: 9,66 tỷ đồng
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2016: 34,1 tỷ đồng
- e. Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ:*
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016:
 - + Sản lượng 641.712 teu
 - + Doanh thu: 702,58 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 316,91 tỷ đồng.
 - + Cổ tức năm 2016: 70% vốn điều lệ.
- Tình hình tài chính:
 - + Tổng tài sản tính đến 31/12/2016: 1.069,74 tỷ đồng
 - + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2016: 156,26 tỷ đồng
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2016: 913,48 tỷ đồng

3.2.2 Công ty liên kết

a. Công ty cổ phần Tiếp Vận Đình Vũ

- Kết quả sản xuất kinh doanh 2016:
- + Doanh thu: 90,27 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế: 14 tỷ đồng
- Tình hình tài chính:
- + Tổng tài sản tính đến 31/12/2016: 68,71 tỷ đồng.
- + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2016: 13,54 tỷ đồng
- + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2016: 55,17 tỷ đồng

b. Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ

- Kết quả sản xuất kinh doanh 2016:
- + Doanh thu: 153,59 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế: 45,99 tỷ đồng
- + Tình hình tài chính:
- Tổng tài sản tính đến 31/12/2016: 341,26 tỷ đồng.
- + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2016: 11,66 tỷ đồng
- + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2016: 329,6 tỷ đồng

c. CTCP Vận tải Container Đông Đô

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016
- + Doanh thu: 8,52 tỷ đồng
- + Lỗ: 132,92 triệu đồng
- Tình hình tài chính:
- + Tổng tài sản tính đến 31/12/2016: 6,19 tỷ đồng
- + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2016: 7,66 tỷ đồng
- + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2016: -1,47 tỷ đồng

d. CTCP Logistics Cảng Sài Gòn

- Kết quả sản xuất kinh năm 2016
- + Sản lượng: 43.000 Teu
- + Doanh thu: 17.649 triệu đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 88,2 triệu đồng
- Tình hình tài chính:
- + Tổng tài sản tính đến 31/12/2016: 14,38 tỷ đồng
- + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2016: 1,15 tỷ đồng
- + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2016: 13,23 tỷ đồng

e. CTCP Đầu tư và TMHH Hải Phòng

- Kết quả sản xuất kinh năm 2016
- + Doanh thu: 598,25 triệu đồng
- + Lỗ: 719,26 triệu đồng

- Tình hình tài chính:

- + Tổng tài sản tính đến 31/12/2016: 92,07 triệu đồng
- + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2016: 1,99 tỷ đồng
- + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2016: 90,08 triệu đồng

f. CTCP Đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016

- + Doanh thu: 16,06 tỷ đồng
- + Lãi: 8,34 tỷ đồng

- Tình hình tài chính:

- + Tổng tài sản tính đến 31/12/2016: 234,47 tỷ đồng
- + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2016: 162,01 tỷ đồng
- + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2016: 72,46 tỷ đồng

g. Công ty cổ phần Vinalines Đông Bắc

Công ty đã tạm dừng hoạt động từ năm 2014

h. CTCP HGH Logistics

- Kết quả sản xuất kinh năm 2016

- + Doanh thu: 594,883 triệu đồng
- + Lãi: 320,991 triệu đồng

4. Tình hình tài chính

(Bao gồm số liệu tài chính của CTCP Cảng Hải Phòng và 03 công ty con do CTCP Cảng Hải Phòng sở hữu 100% vốn điều lệ)

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ 2016/2015 (%)
Tổng giá trị tài sản	4.982.412.082.162	4.837.957.764.824	97,10%
Doanh thu thuần	1.677.767.531.241	1.734.275.290.246	103,37%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	448.760.502.040	510.653.367.708	113,79%
Lợi nhuận khác	1.956.369.297	1.974.822.833	100,94%
Lợi nhuận trước thuế	450.716.871.337	512.628.190.541	113,74%
Lợi nhuận sau thuế	355.764.372.759	450.424.038.208	126,61%

Hiệu quả sử dụng vốn

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016
Vốn chủ sở hữu	3.601.894.583.707	3.714.099.340.555
Tổng tài sản	4.982.412.082.162	4.837.957.764.824

Lợi nhuận sau thuế	355.764.372.759	450.424.038.208
Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)	0,10	0,12
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	0,07	0,09

4.2 Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,91	3,37	
	Hệ số thanh toán nhanh	1,86	3,30	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,28	0,23	
	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,38	0,30	
3	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	0,21	0,26	
	Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	0,10	0,12	
	Hệ số LNST/ Tổng tài sản	0,07	0,09	
4	Mức độ bảo toàn vốn	1,10	1,12	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 326.960.000 cổ phần.

+ Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 325.494.800 cổ phần

+ Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 1.465.200 cổ phần

Loại cổ phần lưu hành: Cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông		Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Trong nước	Cá nhân	14.848.700	4,54%
		Tổ chức	310.875.400	95,08%
2	Nước ngoài	Cá nhân	50.200	0,02%
		Tổ chức	1.185.700	0,36%
3	Tỷ lệ sở hữu	Lớn	302.641.377	92,56%
		Nhỏ	24.318.623	7,44%

Danh sách cổ đông nước ngoài

STT	QUỐC TỊCH	HỌ TÊN	ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ(10)	SỐ CP	CN/TC
1	Japan	AKISADA SHINSUKE	1-8-1-1402 Ooakashicho Akashi-shi Hyogo 112	30.000	Cá nhân
2	Japan	KATO TAKANORI	36 Kamimizunocyo	100	Cá nhân

			Setoshi Aichi, Japan		nhân
3	Republic of Korea	KIM HYUNOH	105202dong, 1013ho, Sanghwa-ro 373, Dalseo-gu, Taegusi, Kyongsangbuk-do, Korea	1.000	Cá nhân
4	Japan	KOIKE KAZUMASA	Lot LD4 Thach That-Quoc Oai Industrial zone, Phung Xa Commune, Thach That Dist, Ha Noi, Viet Nam	500	Cá nhân
5	Canada	NELSON SERGE RAND	647/272 Lat Phrao Soi 5, Bangkok Thailand, 10900	600	Cá nhân
6	Thailand	PHANPONG YINGYONG	264/1 MOO 6, NONG MAUNG, MAUNG SURIN, THAILAND 32000	400	Cá nhân
7	Thailand	PICHA AMMATMANEE	215/5 PRASERTMANUKIT 29 RD. JARAKAE BUA, LADPRAO, BANGKOK 10230 THAILAND	3.300	Cá nhân
8	Thailand	PRASERT TACHAWIJITJARU	593 PHETKASEM RD, HUAJORAKE MAUNG NAKHONPATHOM	14.000	Cá nhân
9	Thailand	SATIMA MEANLAMAI	75/2 M3 THAPKANG KHAOYOI PHETCHABURI, THAILAND	300	Cá nhân
10	Cayman Islands	DCG ASIA VALUE MASTER FUND	WALKER HOUSE, GEORGE TOWN, GRAND CAYMAN KY1-9005, CAYMAN ISLANDS	379.600	Tổ chức
11	Malaysia	EMPLOYEES PROVIDENT FUND BOARD	EPF Building Jalan Raja Laut 50350 Kuala Lumpur Malaysia	719.600	Tổ chức
12	Luxembourg	FRANKLIN TEMPLETON INVESTMENT FUNDS- TEMPLETON ASEAN FUND	8A Rue Albert Borschette L-1246 Luxembourg, Grand Duchy of Luxembourg	35.300	Tổ chức
13	Thailand	Finansia Syrus Securities Public Company Limited	999/9 The Offices@Central Word, 18th Floor, Rama I Road, Pathumwan Sub-District, Pathumwan District, Bangkok Metropolis	22.800	Tổ chức
14	Republic of Korea	SHINHAN INVESTMENT CORP.	23-2, Yoido-Dong, Youngdeungpo-Gu, Seoul, 150-712, Korea	100	Tổ chức
15	Republic of Korea	YURIE VIETNAM FIRST CLASS STOCKS PRIVATE	(Namdaemunno2(i)-ga), 84, Namdaemun-ro, Jung-gu, Seoul, Korea	28.300	Tổ chức

		PLACEMENT SECURITIES INVESTMENT TRUST NO.1 (STOCK)			
		Tổng cộng		1.235.900	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tiêu thụ năng lượng

* Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp trong năm 2016:

- Điện:

+ Trực tiếp: 19.575.422kw

+ Gián tiếp: 376.777 kw

- Dầu diesel : 2.844.439 lít

- Xăng : 86.721 lít

- Dầu nhớt: 133.326 lít

6.2 Tiêu thụ nước

* Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: CTCP Cấp nước Hải Phòng

- Lượng nước sử dụng trong năm 2016: 92.343 m³ nước

6.3 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường:

Không

b) Tổng số tiền do xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không

6.4 Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động trong năm 2016: 3.372 người

- Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2016: 13.108.000 đồng/người/tháng

- Tiền lương bình quân của người lao động trong năm 2016: 12.772.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, và phúc lợi của người lao động

- Xây dựng và ban hành các quy định về An toàn lao động, quy trình công nghệ xếp dỡ, thực hiện đầy đủ công tác trang bị bảo hộ lao động đúng quy trình, tiêu chuẩn theo quy định, tạo điều kiện làm việc hợp lý và hiệu quả cho người lao động.

- Bố trí và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật, toàn bộ lao động được Cảng Hải Phòng ký hợp đồng lao động, đảm bảo các chế độ, quyền lợi theo quy định: bảo

hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Người lao động được khám sức khoẻ định kỳ theo quy định, được thực hiện đầy đủ chế độ liên quan về bảo hiểm như: phép, ốm đau, thai sản, tử tuất, tăng cường công tác tuyên truyền, huấn luyện về công tác an toàn vệ sinh lao động, nâng cao nhận thức cho người lao động để người lao động có ý thức tự bảo vệ mình, phòng tránh tai nạn lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Hàng năm, Cảng Hải Phòng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động của công ty trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhu cầu thực tế của công ty. Sau khi kế hoạch được HĐQT phê duyệt, Tổng giám đốc sẽ triển khai thực hiện.

Hình thức đào tạo:

- Tổ chức lớp học tập trung tại trụ sở công ty.
- Cử cán bộ công nhân viên tham gia các lớp đào tạo do đơn vị ngoài tổ chức.
- Đào tạo tập trung hoặc đào tạo trực tiếp kèm cặp tại đơn vị.
- Đào tạo ở trong nước và đào tạo ở nước ngoài.
- Và các hình thức đào tạo khác.

Nội dung đào tạo:

- Đào tạo quản lý, nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên khối gián tiếp, phục vụ.
- Đào tạo bồi dưỡng nghề cho lực lượng công nhân trực tiếp.
- Đào tạo bổ sung nghề cho một số chức danh trực tiếp.
- Đào tạo nâng bậc lương cho người lao động.

Thời gian đào tạo:

Chương trình đào tạo có thể thực hiện trong 01 – 02 ngày, có thể 15-20 ngày hoặc 01 – 03 tháng tùy thuộc chương trình đào tạo, đối tượng đào tạo.

6.5 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Cảng Hải Phòng luôn quan tâm và tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng xã hội tại địa phương.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Thuận lợi và khó khăn trong năm 2016

Năm 2016 tiếp tục là năm giảm tốc của nền kinh tế thế giới, dẫn đến sự phát triển chậm lại trong khu vực kinh tế Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Thị trường vận tải: Năm 2016 vẫn tiếp tục khó khăn do dư thừa lượng lớn tải trọng, giá cước vận tải cạnh tranh mạnh, đặc biệt các tàu container hiện giá cước đang ở mức đáy. Do vậy, các hãng tàu khai thác tại khu vực Hải Phòng buộc phải cắt giảm chi phí khai thác tàu, giảm số chuyến khai thác do không đủ lượng hàng vận chuyển, thậm chí phải dừng khai thác số tuyến nhất định như hãng tàu NYK, CMA, MSC đều phải cho một lượng tàu dừng khai thác, một số hãng tàu khó khăn phải sát nhập để duy trì hoạt động (China Shipping Line nhập COSCO, APL nhập CMA-CGM...), hãng tàu lớn Hanjin phá sản. Đối với hãng

tàu nội địa trong năm 2016 tiếp tục khó khăn, hiệu quả kém trong hoạt động kinh doanh, do sản lượng Bắc - Nam giảm mạnh, một số hãng phải giảm số chuyến, giảm số cảng khai thác và có hãng phải dừng hoạt động khai thác vận tải (Nam Triệu, Hưng Đạo...). Việc thị trường vận tải biển khó khăn đã tác động lớn hoạt động sản xuất kinh doanh của các cảng biển trong khu vực nói chung và Cảng Hải Phòng nói riêng.

Thị trường hàng hóa tại khu vực Hải Phòng: Trong năm 2016, sản lượng hàng hóa thông qua khu vực Hải Phòng có mức tăng trưởng 6,0% (79,2/74,56 triệu tấn) thấp so với cùng kỳ 2015 (12,2%) và hàng hóa xuất khẩu giảm, hàng nhập khẩu hầu như không tăng. Sản lượng hàng hóa thông qua các cảng bằng tàu biển của khu vực Hải Phòng tăng 6%, trong đó hàng ngoài container thông qua tàu biển bằng 99% so với sản lượng năm 2015. Mức tăng trưởng và sản lượng hàng hóa thông qua khu vực thấp đã tác động ảnh hưởng đến hàng hóa thông qua Cảng Hải Phòng.

Một số yếu tố khác ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Hải Phòng

Đối với hàng container: Tình hình cạnh tranh giữa các cảng trong cùng khu vực vẫn tiếp tục diễn ra gay gắt, đặc biệt là việc Cảng VIP Green và Nam Hải Đình Vũ đưa vào khai thác đã làm mất ưu thế về cảng nước sâu của Cảng Hải Phòng. Bên cạnh đó, các hãng tàu gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh do đó đã gây sức ép giảm giá với Cảng Hải Phòng nhằm chia sẻ khó khăn với các hãng tàu. Do dự án bắc cầu qua Sông Cấm, các hãng tàu container đã dịch chuyển từ chi nhánh Cảng Chùa Vẽ xuống Chi nhánh Cảng Tân Vũ khai thác, trong điều kiện các trang thiết bị tuyến tiền phương tại Cảng Tân Vũ chưa tăng, gây ra bất bình hành trong lịch khai thác tàu, đồng thời tác động mạnh đến sản lượng hàng container của Cảng Chùa Vẽ.

Đối với hàng ngoài container: khách hàng chủ yếu là khai thác các tàu lớn tại khu chuyển tải để giảm chi phí. Hiện tại có nhiều công ty tư nhân cung cấp dịch vụ xếp dỡ tại vùng nước chuyển tải, do đó giá cước giảm mạnh trong khi chi phí nhân công của Cảng Hải Phòng lại cao so với các đơn vị khác vì các ưu đãi trong chính sách với người lao động và một số yếu tố khác dẫn đến hiệu quả thấp. Có những mặt hàng không thể cạnh tranh được với tư nhân. Cảng Hải Phòng có trang thiết bị thực hiện dịch vụ cho tàu hàng ngoài container với cỡ tàu lớn có chiều dài 180÷210m và hàng sắt thép tôn cuộn trên 20 tấn, tuy nhiên do chính sách Nhà nước áp thuế chống phản vệ tạm thời đối với mặt hàng sắt thép: tôn cuộn, sắt phôi...(chiếm 56% tổng sản lượng hàng ngoài container) gây ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng của Cảng Hải Phòng.

Bên cạnh đó, tỷ giá đồng Yên biến động tăng mạnh trong năm 2016 do đó ảnh hưởng lớn đến chi phí hoạt động tài chính, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, vấn đề giao thông đường bộ đoạn ngã ba Chùa Vẽ - Đình Vũ hay ách tắc cũng gây khó khăn cho các chủ hàng và ảnh hưởng đến tiến độ làm hàng của các hãng tàu.

1.2. Kết quả thực hiện sản lượng, doanh thu, lợi nhuận

(Bao gồm số liệu của CTCP Cảng Hải Phòng và 03 công ty con do Cảng Hải Phòng sở hữu 100% vốn điều lệ)

a. Sản lượng hàng hoá thông qua

- Tổng sản lượng hợp nhất thực hiện đạt 35,46 triệu tấn tăng 8,5% so với thực hiện năm 2015 (32,67 triệu tấn) và chiếm 44,8% thị phần khu vực Hải Phòng (35,46/79,2 triệu tấn). Trong đó: Cảng Hải Phòng thực hiện 26,33 triệu tấn đạt 96,4% kế hoạch năm 2016 (27,3 triệu tấn) và tăng 10,9% so với năm 2015 (23,75 triệu tấn).

b. Doanh thu

- Doanh thu hợp nhất thực hiện đạt 2.485,45 tỷ đồng tăng 1,8% so với thực hiện năm 2015 (2.441,51 tỷ đồng). Trong đó: Cảng Hải Phòng thực hiện 1.932,27 tỷ đồng đạt 95,7% kế hoạch (2.018 tỷ đồng) và tăng 7,8% so với thực hiện năm 2015 (1.791,89 tỷ đồng), trong đó doanh thu từ khai thác Cảng thực hiện 1.734,27 tỷ đồng, tăng 3,3% so với thực hiện năm 2015 (1.677,77 tỷ đồng).

c. Lợi nhuận trước thuế

- Lợi nhuận hợp nhất thực hiện đạt 694,54 tỷ đồng giảm 2% so với thực hiện năm 2015 (708,29 tỷ đồng). Trong đó: Cảng Hải Phòng thực hiện 512,63 tỷ đồng đạt 85,4% kế hoạch năm 2016 (600,0 tỷ đồng) tăng 13,7% so với thực hiện năm 2015 (450,72 tỷ đồng).

1.3. Thực hiện các công việc trọng tâm khác

1.3.1 Công tác kinh doanh tiếp thị

Cảng Hải Phòng tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, duy trì mối quan hệ hợp tác với các hãng tàu, khách hàng đã thực hiện dịch vụ năm 2015, và trong năm 2016 bổ sung thêm 02 hãng tàu container nội địa và cung cấp dịch vụ mới làm hàng ô tô tàu RORO của hãng tàu NYK, K'Line, ký kết hợp đồng hãng xe ô tô như Toyota, Ford, Mitsubishi, Nissan. Công ty đặc coi trọng chính sách quan tâm, chăm sóc và nâng cao mối quan hệ gắn bó với khách hàng. Bên cạnh đó, Cảng Hải Phòng tiến hành theo dõi sát tình hình biến động của thị trường và chủ động trước những biến động bất lợi và sự cạnh tranh ngày một gay gắt để có những chính sách điều chỉnh hợp lý, kịp thời trong sản xuất kinh doanh từng giai đoạn, thời kỳ, đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và xây dựng thương hiệu để giữ vững và mở rộng thị phần.

Cảng Hải Phòng chủ động xây dựng phương án kinh doanh, cơ chế chính sách giá cho phù hợp với từng thời kỳ trong năm 2016 để thu hút khách hàng đưa hàng về cảng. Tiến hành rà soát, điều chỉnh giá thành và triển khai các giải pháp tiết kiệm giảm chi phí đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, hoạt động liên kết với hãng tàu thành lập liên doanh khai thác depot, phối hợp với các đơn vị của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam như Công ty Cổ phần Vinalines Logistics để cùng nhau làm dịch vụ Logistics cũng được Cảng Hải Phòng quan tâm thực hiện.

1.3.2 Công tác khai thác

Công tác khai thác điều động bố trí tàu, tổ chức điều hành khoa học hợp lý, đảm bảo năng suất giải phóng tàu, thực hiện giải phóng tàu đúng kế hoạch, không để xảy ra tình trạng tàu chờ cầu, các tàu container ra vào đúng lịch. Phân cấp cho các chi nhánh chủ động tiếp thị, bố trí cầu bến theo nhu cầu thực tế sản xuất của đơn vị, chủ động bố trí tàu lai phục vụ tàu ra vào các chi nhánh.

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát thực hiện nội quy an toàn lao động, quy trình xếp dỡ, tận dụng khai thác tối đa cầu bến, đảm bảo năng suất lao động

1.3.3 Công tác quản trị

Tiếp tục tập trung đổi mới công tác quản trị, phương pháp điều hành, tập trung rà soát lại các khoản chi phí chưa hợp lý, kiểm tra và giám sát việc khoán chi phí trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo tiết kiệm chi phí, kinh doanh có hiệu quả.

Thực hiện chuyển đổi một số chi nhánh, đơn vị phụ thuộc thành các công ty TNHH một thành viên, gồm có: Cảng Hoàng Diệu, Trung Tâm y tế, Trường TCNV Cảng. Bước đầu các công ty này đã tự cân bằng thu chi và kinh doanh có hiệu quả.

Xây dựng, ban hành thang bảng lương mới và tổ chức thực hiện chuyển đổi lương cũ sang lương mới theo quy định của pháp luật. Việc làm của CBCNV được ổn định, thu nhập tiền lương bình quân toàn Cảng đạt 13,1 triệu đồng/người-tháng (năm 2015: 12,62 triệu đồng/người-tháng).

Năng suất lao động tăng (năm 2016 tăng 5,9% so với thực hiện năm 2015) trên cơ sở áp dụng công nghệ tin học vào điều hành sản xuất và sử dụng lao động hợp lý.

1.3.4 Công tác kỹ thuật, an toàn và thực hành tiết kiệm

Công tác chuyên môn kỹ thuật, thực hành tiết kiệm được Cảng Hải Phòng quan tâm, đơn đốc thực hiện nghiêm túc. Công ty duy trì việc triển khai phân giao định mức tiết kiệm nhiên liệu, vật liệu trên cơ sở định mức kỹ thuật, kinh tế; rà soát các dự án đầu tư, xây dựng lại định mức sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, hoàn thiện quy trình công nghệ xếp dỡ, ứng dụng tin học góp phần tăng năng lực sản xuất.

2. Tình hình tài chính

2.1 Cơ cấu tài sản

Tổng tài sản Cảng Hải Phòng đến thời điểm 31/12/2016 là 4.837,96 tỷ đồng.

Tỷ trọng tài sản lưu động và tài sản dài hạn có sự thay đổi: tài sản ngắn hạn chiếm 26,18 % so với 23,12% số đầu năm, trong đó cơ cấu Tài sản dài hạn chiếm 73,82%,

2.2 Khả năng thanh toán ngắn

Cảng Hải Phòng đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn đến hạn trả, doanh nghiệp chưa chịu các áp lực tài chính đối với các khoản vay.

2.3 Cơ cấu nguồn vốn

Tại thời điểm 31/12/2016, nợ phải trả chiếm 23,23 % tổng nguồn vốn. Tỷ trọng vốn chủ sở hữu tương đối cao trong cơ cấu nguồn vốn do hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được nguồn vốn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tập trung nâng cao năng lực điều hành sản xuất; nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực xếp dỡ; quy hoạch kho bãi khoa học, hợp lý; các hạng mục đầu tư trọng điểm kịp thời để đưa vào sử dụng; tăng tốc độ giải phóng tàu tại cảng.

Chú trọng đến công tác thu nhận và xử lý thông tin của khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường nhằm giữ và ổn định nguồn hàng, bám sát thị trường, đảm bảo duy trì các hoạt động sản xuất chính được ổn định.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, đào tạo và quy hoạch cán bộ nhân sự chủ chốt đủ năng lực tiếp nhận, chuyển giao công nghệ cao trong thời gian ngắn để tiết kiệm chi phí, đạt hiệu quả nhằm tạo nguồn lao động có tính kế thừa, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của công ty.

Toàn thể cán bộ công nhân viên Cảng Hải Phòng nêu cao tinh thần đoàn kết, nhất trí, gắn bó, quyết tâm xây dựng công ty ngày càng bền vững, phát triển, lấy chất lượng dịch vụ khách hàng và tác phong làm việc chuyên nghiệp để nâng tầm thương hiệu Cảng Hải Phòng.

4 Kế hoạch phát triển trong tương lai

Theo Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 24/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm, Cảng Hoàng Diệu sẽ phải từng bước di dời để phục vụ việc xây dựng cầu Hoàng Văn Thụ (phía thượng lưu cảng Hoàng Diệu tại vị trí bến 9,10,11).

Căn cứ Thông báo kết luận số 449/TB-VPCP ngày 30/12/2016 của Văn phòng chính phủ về việc Thủ tướng Chính phủ đồng ý về chủ trương giao Vinalines (thông qua Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng) được trực tiếp đầu tư 02 bến cảng và khu dịch vụ hậu cần logistics ở khu vực Cảng Lạch Huyện (Hải Phòng) để thực hiện di dời cầu cảng (thuộc khu vực Cảng Hoàng Diệu) nằm ở trung tâm thành phố Hải Phòng. Cảng Hải Phòng sẽ báo cáo và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông công ty tại đại hội thường niên năm 2017 về chủ trương đầu tư xây dựng 02 bến cảng số 3, 4 tại khu vực Lạch Huyện.

Cảng Hải Phòng đặt mục tiêu xây dựng cơ sở hạ tầng cầu cảng tại khu vực Lạch Huyện để thực hiện công tác di dời Cảng Hoàng Diệu, đáp ứng nhu cầu hàng hoá và đội tàu thông qua khu vực, giữ vững vai trò, vị thế của doanh nghiệp nòng cốt ngành hàng hải, khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải theo thông báo kết luận số 449/TB-VPCP ngày 30/12/2016 của Văn phòng Chính phủ.

5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Cảng Hải Phòng đã có văn bản giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính bán niên đã được kiểm toán, văn bản giải trình biến động kết quả kinh doanh và ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Cảng Hải Phòng đã thực hiện báo cáo, công bố thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định pháp luật.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Tình hình an ninh trật tự được giữ vững; thực hiện nộp ngân sách và thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Ngoài ra Cảng Hải Phòng còn thực hiện tốt các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái, cán bộ công nhân lao động duy trì việc đóng góp vào quỹ hoạt động xã hội nhằm hỗ trợ cho các hoạt động xã hội trong và ngoài thành phố.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2016 Cảng Hải Phòng đã tập trung và triển khai một số công tác trọng tâm sau:

- Hoàn tất việc chuyển đổi một số đơn vị, chi nhánh sang mô hình Công ty TNHH một thành viên nhằm tăng tính chủ động và hiệu quả trong hoạt động.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu, chi; có biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đầu tư theo hướng hiện đại hóa các thiết bị, tạo sự phát triển ổn định lâu dài, mở rộng các dịch vụ để tăng lực khai thác cảng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Các dự án đầu tư trong năm 2016 phù hợp với kế hoạch và tuân thủ các quy định về đầu tư mua sắm thiết bị của công ty và pháp luật hiện hành; không xảy ra tình trạng thất thoát, lãng phí vốn đầu tư.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo mối quan hệ tốt và bền vững với khách hàng truyền thống, tích cực tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường nhằm đảm bảo duy trì hiệu suất hoạt động các phương tiện thiết bị.

- Chú trọng quan tâm đến chất lượng lao động, tập trung công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu công việc và sử dụng thành thạo các trang thiết bị hiện đại.

- Đảm bảo được việc làm, thu nhập, quyền lợi và chính sách đối với người lao động cho người lao động. Chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.

- Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán theo quy định (Đơn vị kiểm toán là Công ty kiểm toán KPMG).

- Trong công tác quản trị tài chính doanh nghiệp đã tuân thủ các quy định quản lý vốn và quy chế quản lý tài chính.

- Bên cạnh công tác sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia tài trợ và hỗ trợ cho các chương trình từ thiện. Tổ chức cho cán bộ công nhân viên Công ty đi tham quan, du lịch,....

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty

Trong bối cảnh thị trường hàng hóa có sự cạnh tranh gay gắt, một số cảng mới ra đời, các doanh nghiệp vận tải biển vẫn còn nhiều khó khăn, trực giao thông đường bộ còn nhiều hạn chế ..., nhưng Ban điều hành công ty đã bám sát thị trường, năng động và linh hoạt trong công tác tiếp thị, mở rộng thị trường, chú trọng vào công tác chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Tuân thủ và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; theo Điều lệ tổ chức và hoạt động, quy chế quản trị của công ty các quy định của pháp luật có liên quan. Thực hiện tốt chức năng quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, các Nghị quyết HĐQT, Điều lệ, các Quy chế của công ty và các văn bản pháp luật liên quan hiện hành.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản kịp thời phục vụ sản xuất; Thực hiện quy trình thủ tục đầu tư đúng thẩm quyền, đúng quy định, đúng luật ... đảm bảo thiết bị đầu tư hiện đại, mang tính chuyên môn hóa cao về công nghệ, hiệu quả khai thác, tiết kiệm tối đa nguồn vốn đầu tư được phê duyệt.

Trong Ban điều hành công ty có Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT nên công tác tiếp nhận các thông tin chỉ đạo của HĐQT được kịp thời và giải quyết nhanh chóng.

Công tác báo cáo định kỳ của Ban điều hành Công ty đã giúp HĐQT có các xử lý, quyết định kịp thời trong công tác chỉ đạo và hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Thực hiện công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp theo định hướng phát triển chung của Công ty, trong đó tập trung vào mục tiêu mở rộng phát triển cảng.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Số lượng: 07 người.
- Chủ tịch HĐQT: 01 người
- Các thành viên HĐQT tham gia điều hành: 04 người.
- Các thành viên HĐQT không tham gia điều hành (bao gồm cả chủ tịch HĐQT): 03 người.
- Số lượng thành viên HĐQT nắm giữ chức danh tại HĐQT của các Công ty khác: 02 người
 - + Ông Nguyễn Hùng Việt: Chủ tịch HĐQT – CTCP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ
 - + Ông Cao Trung Ngoan: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng

- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán PHP của các thành viên HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu			
			Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		Cá nhân	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1.	Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch	64.345.728	19,68%	3.600	0,001%
2.	Ông Nguyễn Hùng Việt	Thành viên	35.965.600	11%	25.500	0,008%
3.	Ông Trương Văn Thái	Thành viên	35.965.600	11%	3.400	0,001%
4.	Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên	35.965.600	11%	12.600	0,004%
5.	Bà Trần Thị Thanh Hải	Thành viên	35.965.600	11%	12.000	0,004%
6.	Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên	51.921.248	15,88%	0	0
7.	Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên	42.504.800	13%	0	0
	Tổng cộng:		302.634.176	92,56%	57.100	0,018%

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Trong năm 2016, HĐQT của Cảng Hải Phòng đã thành lập Tiểu ban nghiên cứu phát triển Cảng Hải Phòng.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định của công ty và các văn bản pháp luật có liên quan. Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp HĐQT, ban hành 82 Nghị quyết, 75 Quyết định. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức đúng trình tự, thủ tục và đã được HĐQT, Ban điều hành triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

- Số lượng: 03 người.
- Trưởng BKS: 01 người.
- Thành viên BKS: 02 người.
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần PHP của các thành viên BKS:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu			
			Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		Cá nhân	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1.	Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban	0	0%	0	0%
2.	Bà Đào Thị Thu Hà	Thành viên	0	0%	21.000	0,006%
3.	Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên	0	0%	3.000	0,001%
	Tổng cộng:		0	0%	24.000	0,007%

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định của Cảng Hải Phòng; thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, BKS đã kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các

quy định trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của Cảng Hải Phòng trên các khía cạnh trọng yếu như sau:

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, dự các cuộc họp giao ban hàng tháng kiểm điểm tình hình hoạt động kinh doanh do Ban điều hành chủ trì.

Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban điều hành; kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội qui, qui định, văn bản của công ty.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị trong việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn trong các khoản mục đầu tư.

Kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành; thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính năm 2016 trước và sau kiểm toán; thẩm định quy trình và rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư theo các Nghị quyết của HĐQT.

Năm 2016, BKS đã tiến hành họp 03 phiên để bầu lại Trưởng Ban, phân công lại công việc trong BKS sau khi đại hội đồng cổ đông thường niên thành công, đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện công việc năm 2016 của BKS; triển khai thực hiện rà soát báo cáo tài chính bán niên...

Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

3.1 Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2016 là:

- Thành viên HĐQT: 5.000.000 đ/người/tháng
- Thành viên BKS: 3.500.000 đ/người/tháng.

Nội dung	Kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016	Thực hiện (VNĐ)	Tỷ lệ
Thù lao HĐQT, BKS	- Thành viên HĐQT: 5.000.000 đ/người/tháng - Thành viên BKS: 3.500.000 đ/người/tháng	- Thành viên HĐQT: 5.000.000 đ/người/tháng - Thành viên BKS: 3.500.000 đ/người/tháng	100%

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có.

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2016 (BCTC riêng và BCTC hợp nhất), ý kiến của đơn vị kiểm toán về Báo cáo tài chính và các giải trình liên quan được đính kèm Báo cáo thường niên năm 2016 của CTCP Cảng Hải Phòng.

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (để b/cáo);
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (để b/cáo);
- Chủ tịch HĐQT (để b/cáo);
- Website Công ty (để công bố);
- Lưu: Thư ký Cty;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG



Nguyễn Hùng Việt



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 118/QĐ-HHVN Ngày 8 tháng 4 năm 2014

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh Nghiệp số** 0200236845 Ngày 18 tháng 7 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200236845 ngày 18 tháng 7 năm 2014.

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Việt	Thành viên
Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên
Ông Trương Văn Thái	Thành viên
Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Hải	Thành viên
Ông Bùi Chiến Thắng	Thành viên

(đến ngày 29 tháng 9 năm 2016)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban
Bà Đào Thị Thu Hà	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc
Ông Cao Trung Ngoan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 12 tháng 7 năm 2016)

Ông Bùi Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
---------------------	-------------------

(đến ngày 31 tháng 8 năm 2016)

Trụ sở đăng ký Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Minh
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Hải Phòng, 26 -03- 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tài sản cố định của Công ty là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 là thời điểm Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Công ty đã ghi nhận các tài sản nói trên theo giá trị định giá lại khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT phê duyệt giá trị quyết toán của các tài sản này và yêu cầu Công ty nhận nợ khoản vay vốn ODA liên quan đến các tài sản này do nguồn vốn đầu tư dự án hình thành các tài sản nói trên trước đây bao gồm vốn vay ODA và vốn Nhà nước. Giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” được phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2016 bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, trong năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay bằng VND và điều chỉnh hồi tố giá trị tài sản cố định hữu hình. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước theo biên bản trên có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng. Chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này đối với các số liệu trên báo cáo tài chính riêng liên quan đến tài sản cố định hữu hình – nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, phải thu về cổ phần hóa, vay ngắn hạn, vay dài hạn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính riêng đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính rằng các số liệu so sánh đã trình bày, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính riêng, là số liệu căn cứ trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 trong báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 3 năm 2016.

Trong quá trình kiểm toán báo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh như được trình bày tại Thuyết minh 36 được áp dụng để điều chỉnh các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Chúng tôi không được chỉ định để kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, ngoài các thủ tục kiểm toán được thực hiện đối với những điều chỉnh được trình bày ở Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính riêng này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán hay bất kỳ sự đảm bảo nào về báo cáo tài chính đó. Theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh được trình bày là phù hợp và được áp dụng đúng.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-149-c



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2017

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2014-007-1

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.090.749.684.287	1.152.004.735.142
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	348.069.094.448	18.416.818.638
Tiền	111		263.069.094.448	18.416.818.638
Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		482.981.000.000	802.067.450.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	482.981.000.000	802.067.450.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		228.480.221.699	288.863.960.653
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	156.401.809.632	188.949.735.902
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23.717.884.101	3.706.258.840
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	68.296.580.230	109.988.690.810
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(19.936.052.264)	(13.780.724.899)
Hàng tồn kho	140	9	17.781.773.697	29.587.968.134
Hàng tồn kho	141		17.781.773.697	29.587.968.134
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.437.594.443	13.068.537.717
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	11.612.433.325	10.765.445.360
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16(a)	1.825.161.118	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	2.303.092.357

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.684.475.507.451	3.830.407.347.020
Tài sản cố định	220		2.270.415.738.595	2.871.489.260.791
Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.269.714.077.595	2.870.673.479.791
Nguyên giá	222		4.092.649.939.539	5.345.213.903.341
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.822.935.861.944)	(2.474.540.423.550)
Tài sản cố định vô hình	227	11	701.661.000	815.781.000
Nguyên giá	228		29.721.021.138	29.721.021.138
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.019.360.138)	(28.905.240.138)
Tài sản dở dang dài hạn	240		18.974.068.269	5.390.149.204
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	18.974.068.269	5.390.149.204
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	1.361.367.711.333	922.502.874.557
Đầu tư vào công ty con	251		1.279.501.691.109	833.501.691.109
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		83.143.237.464	77.551.047.448
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.755.136.000	17.755.136.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.032.353.240)	(6.305.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		33.717.989.254	31.025.062.468
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	16.038.341.756	31.025.062.468
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	17.679.647.498	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.775.225.191.738	4.982.412.082.162

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.062.146.607.753	1.380.517.498.455
Nợ ngắn hạn	310		314.664.502.651	604.544.067.614
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	36.032.047.859	41.325.268.755
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		883.792.089	6.466.365.831
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(b)	38.122.274.029	34.061.342.625
Phải trả người lao động	314		88.817.767.287	146.996.823.273
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	95.398.120.573	51.952.211.042
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	10.169.580.963	180.079.728.052
Vay ngắn hạn	320	19(a)	29.534.548.044	28.036.566.558
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	15.706.371.807	115.625.761.478
Nợ dài hạn	330		747.482.105.102	775.973.430.841
Vay dài hạn	338	19(b)	737.744.807.102	747.805.595.841
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	9.737.298.000	28.167.835.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.713.078.583.985	3.601.894.583.707
Vốn chủ sở hữu	410	22	3.713.078.583.985	3.601.894.583.707
Vốn cổ phần	411	23	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	60.917.847.513	10.899.547.066
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		382.560.736.472	321.395.036.641
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		63.941.454.834	63.718.663.882
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		318.619.281.638	257.676.372.759
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.775.225.191.738	4.982.412.082.162

Người lập:

26-03-2017

Người duyệt:

Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Phạm Hồng Minh
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	27	1.225.436.722.813	1.677.767.531.241
Giá vốn hàng bán	11		768.492.056.345	1.150.577.783.156
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		456.944.666.468	527.189.748.085
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	243.757.138.161	111.185.358.813
Chi phí tài chính	22	29	82.739.733.713	69.297.177.179
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		49.704.227.441	60.178.704.770
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	121.359.689.198	120.317.427.679
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		496.602.381.718	448.760.502.040
Thu nhập khác	31	31	3.114.370.946	2.940.576.820
Chi phí khác	32		1.881.809.172	984.207.523
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.232.561.774	1.956.369.297
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		497.834.943.492	450.716.871.337
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	66.111.309.352	94.952.498.578
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33	(17.679.647.498)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		449.403.281.638	355.764.372.759

26 -03- 2017

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Phạm Hồng Minh
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã trình bày lại/ đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		497.834.943.492	450.716.871.337
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		254.545.593.791	316.257.742.206
Các khoản dự phòng	03		932.199.514	(230.420.477)
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		14.896.121.190	(200.016.453)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(240.186.723.914)	(101.318.511.509)
Chi phí lãi vay	06		49.704.227.441	60.178.704.770
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		577.726.361.514	725.404.369.874
Biến động các khoản phải thu	09		16.936.028.257	36.308.426.541
Biến động hàng tồn kho	10		3.769.346.276	(4.468.565.543)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(37.393.029.065)	45.410.653.173
Biến động chi phí trả trước	12		10.071.108.060	6.678.304.065
			571.109.815.042	809.333.188.110
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.571.139.501)	(10.276.438.255)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(59.932.380.841)	(96.810.054.369)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(143.199.288.635)	(61.859.447.156)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		361.407.006.065	640.387.248.330

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã trình bày lại/ đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(105.047.537.283)	(225.618.128.653)
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(1.367.672.000.000)	(3.372.169.020.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		1.686.758.450.000	3.026.587.568.457
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(41.548.034.393)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		5.114.639.588	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		183.645.101.753	100.009.701.920
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		361.250.619.665	(471.189.878.276)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(31.398.005.640)	(179.864.383.653)
Tiền trả cổ tức	36		(365.829.767.039)	(9.558.230.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(397.227.772.679)	(189.422.613.653)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		325.429.853.051	(20.225.243.599)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	18.416.818.638	38.632.641.975
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.222.422.759	9.420.262
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	348.069.094.448	18.416.818.638

26 -03- 2017

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Phạm Hồng Minh
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa theo Quyết định số 118/QĐ-HHVN ngày 8 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt và chuyển Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Cảng Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khai thác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình dân dụng khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động bệnh viện, trạm xá;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; và
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không phục vụ quầy bar).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Công ty

Công ty có trụ sở văn phòng chính tại số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 2 đơn vị trực thuộc (1/1/2016: 5 đơn vị trực thuộc) sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ	Số 5 Chùa Vẽ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Cảng Tân Vũ	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Ngày 1 tháng 2 năm 2016, Công ty đã giải thể 3 đơn vị trực thuộc là chi nhánh Cảng Hoàng Diệu, chi nhánh Cảng Bạch Đằng và Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và thành lập 3 công ty con là Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng.

Ngày 25 tháng 4 năm 2016, Công ty thoái vốn khỏi công ty liên kết là Trường Cao đẳng Nghề Hàng hải Việt Nam. Ngày 4 tháng 10 năm 2016, Công ty đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần HGH Logistics.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 5 công ty con (1/1/2016: 2 công ty con) và 6 công ty liên kết (1/1/2016: 6 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh số 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 1.772 nhân viên (1/1/2016: 3.393 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập theo phương pháp trực tiếp. Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, số liệu so sánh của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyên	4 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 13 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 20 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định tính theo phương pháp dựa trên số liệu của bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	748.371.500	120.742.500
Tiền gửi ngân hàng	262.320.722.948	18.296.076.138
Các khoản tương đương tiền	85.000.000.000	-
	348.069.094.448	18.416.818.638

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 6.785.100 USD (tương đương 154.090 triệu VND) (1/1/2016: 0 VND) bị hạn chế sử dụng do được dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	482.981.000.000	482.981.000.000	802.067.450.000	802.067.450.000

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 46.281 triệu VND (1/1/2016: 0 VND) bị hạn chế sử dụng do được dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2016			% sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2016		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty con									
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Hải Phòng	51%	816.000.000.000	-	1.468.800.000.000	51%	816.000.000.000	-	1.275.000.000.000
• Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	60%	17.501.691.109	-	(**)	60%	17.501.691.109	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu (*)	Hải Phòng	100%	430.000.000.000	-	(**)	-	-	-	-
• Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng (*)	Hải Phòng	100%	15.000.000.000	-	(**)	-	-	-	-
• Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng (*)	Hải Phòng	100%	1.000.000.000	-	(**)	-	-	-	-
			<u>1.279.501.691.109</u>	<u>-</u>			<u>833.501.691.109</u>	<u>-</u>	

(*) Ngày 1 tháng 2 năm 2016, Công ty đã giải thể 3 đơn vị trực thuộc là chi nhánh Cảng Hoàng Diệu, chi nhánh Cảng Bạch Đằng và Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng, và thành lập 3 công ty con là Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2016			% sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2016		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		Giá gốc VND (đã điều chỉnh lại)	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết									
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	35,31%	31.440.000.000	(5.855.241.085)	(**)	35,33%	31.440.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	Hải Phòng	27,61%	25.289.203.035	-	(**)	27,61%	25.289.203.035	-	(**)
• Công ty Cổ phần HGH Logistics	Hải Phòng	38,80%	11.596.000.000	-	(**)	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô – Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	32,24%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	(**)	32,24%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	(**)
• Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc (***)	Hải Phòng	25%	5.518.034.429	(5.518.034.429)	(**)	25%	5.518.034.429	-	(**)
• Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Hải Phòng	20,12%	3.000.000.000	(337.946.714)	(**)	20,12%	3.000.000.000	-	(**)
• Trường Cao đẳng Nghề Hàng hải Việt Nam	Hải Phòng	-	-	-	-	27,4%	6.003.809.984	-	(**)
			<u>83.143.237.464</u>	<u>(18.011.222.228)</u>			<u>77.551.047.448</u>	<u>(6.300.000.000)</u>	

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(***) Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của công ty liên kết này. Công ty thực hiện trích lập dự phòng 100% đối với khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Vinalines Đông Bắc.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	% số hữu và quyền biểu quyết	31/12/2016			% số hữu và quyền biểu quyết	1/1/2016		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		Giá gốc VND (đã điều chỉnh lại)	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác									
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	Hải Phòng	0,13%	15.307.119.745	-	(**)	0,13%	15.307.119.745	-	(**)
• Công ty Cổ phần Tin học và Công nghệ Hàng hải	Hải Phòng	3,06%	144.385.243	-	(**)	3,06%	144.385.243	-	(**)
• Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Hải Phòng	0,45%	122.500.000	-	413.271.120	0,45%	122.500.000	(5.000.000)	117.500.000
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	Hải Phòng	1,41%	2.181.131.012	(1.021.131.012)	1.160.000.000	1,41%	2.181.131.012	-	1.556.000.000
			<u>17.755.136.000</u>	<u>(1.021.131.012)</u>			<u>17.755.136.000</u>	<u>(5.000.000)</u>	
			<u>1.380.400.064.573</u>	<u>(19.032.353.240)</u>			<u>928.807.874.557</u>	<u>(6.305.000.000)</u>	

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
<i>Các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty mẹ	1.661.611.165	-
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	2.658.785.087	894.165.476
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	405.878.342	469.496.086
<i>Các bên thứ ba</i>		
Maersk Line A/S	23.175.220.963	25.360.355.030
Các khách hàng khác	128.500.314.075	162.225.719.310
	156.401.809.632	188.949.735.902

Khoản phải thu từ Công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 15 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Phải thu về cổ phần hóa từ Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	99.960.782.454
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	53.440.964.042	-
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	8.786.272.960	4.796.444.445
Phải thu bổ sung thuế thu nhập cá nhân từ người lao động	2.711.502.615	905.136.347
Tạm ứng	368.751.000	674.727.748
Ký quỹ	2.000.000	2.000.000
Phải thu khác	2.987.089.613	3.649.599.816
	68.296.580.230	109.988.690.810

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2016			Số ngày quá hạn	1/1/2016		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND (đã điều chỉnh lại)	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	Trên 3 năm	3.271.865.211	(3.271.865.211)	-	Trên 3 năm	3.236.585.742	(3.236.585.742)	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	Trên 3 năm	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-	Trên 3 năm	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hải Châu	2 - 3 năm	965.762.010	(795.118.197)	170.643.813	1 - 2 năm	965.762.010	(482.881.005)	482.881.005
Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container	1 - 3 năm	2.852.328.497	(1.461.273.917)	1.391.054.580	Dưới 6 tháng - 2 năm	3.006.328.497	-	3.006.328.497
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	6 tháng - 2 năm	9.930.305.723	(4.355.036.239)	5.575.269.484	Dưới 6 tháng	6.066.389.766	-	6.066.389.766
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	2.805.537.990	(2.805.537.990)	-	Trên 3 năm	3.225.629.009	(3.225.629.009)	-
Các khách hàng khác	Dưới 3 năm	1.094.866.504	(618.353.892)	476.512.612	Dưới 3 năm	413.524.650	(206.762.325)	206.762.325
		<u>27.549.532.753</u>	<u>(19.936.052.264)</u>	<u>7.613.480.489</u>		<u>23.543.086.492</u>	<u>(13.780.724.899)</u>	<u>9.762.361.593</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(19.936.052.264)

(13.780.724.899)

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
		(đã điều chỉnh lại)
Nguyên vật liệu	16.616.328.286	26.997.682.523
Công cụ và dụng cụ	1.165.445.411	2.503.253.632
Hàng hóa	-	87.031.979
	<hr/>	<hr/>
	17.781.773.697	29.587.968.134
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	2.252.460.244.635	94.117.434.192	2.964.887.927.868	33.748.296.646	5.345.213.903.341
Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.301.982.470.703	94.117.434.192	2.931.106.820.177	76.657.214.544	5.403.863.939.616
Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)	(49.522.226.068)	-	33.781.107.691	(42.908.917.898)	(58.650.036.275)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	33.005.832.780	171.493.816	29.523.334.385	6.964.604.237	69.665.265.218
Giảm do tách các đơn vị trực thuộc thành công ty con (Thuyết minh 35)	(658.947.184.902)	(14.463.416.810)	(638.800.794.403)	(10.017.832.905)	(1.322.229.229.020)
Số dư cuối năm	1.626.518.892.513	79.825.511.198	2.355.610.467.850	30.695.067.978	4.092.649.939.539
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	973.706.414.821	32.971.455.577	1.449.528.106.963	18.334.446.189	2.474.540.423.550
Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.066.888.618.232	32.971.455.577	1.437.187.946.238	61.276.483.826	2.598.324.503.873
Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)	(93.182.203.411)	-	12.340.160.725	(42.942.037.637)	(123.784.080.323)
Khấu hao trong năm	65.527.841.955	2.894.393.352	184.198.410.772	2.618.204.108	255.238.850.187
Giảm do tách các đơn vị trực thuộc thành công ty con (Thuyết minh 35)	(470.969.488.172)	(6.633.386.778)	(423.179.283.295)	(6.061.253.548)	(906.843.411.793)
Số dư cuối năm	568.264.768.604	29.232.462.151	1.210.547.234.440	14.891.396.749	1.822.935.861.944
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	1.278.753.829.814	61.145.978.615	1.515.359.820.905	15.413.850.457	2.870.673.479.791
Số dư cuối năm	1.058.254.123.909	50.593.049.047	1.145.063.233.410	15.803.671.229	2.269.714.077.595

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 6.247 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 6.247 triệu VND).



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	29.721.021.138
<i>Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>27.973.244.400</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)</i>	<i>1.747.776.738</i>
Số dư cuối năm	29.721.021.138
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	28.905.240.138
<i>Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>27.157.463.400</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)</i>	<i>1.747.776.738</i>
Khấu hao trong năm	114.120.000
Số dư cuối năm	29.019.360.138
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	815.781.000
Số dư cuối năm	701.661.000

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 28.638 triệu VND đã được khấu hao hết (1/1/2016: 26.890 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	5.390.149.204	56.873.259.955
Tăng trong năm	83.249.184.283	26.476.585.583
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(69.665.265.218)	(77.959.696.334)
Số dư cuối năm	18.974.068.269	5.390.149.204

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự án tàu trọng tải lớn vào cảng	-	1.135.850.909
Đường RTG trên bãi tiền phương (đường 12 RTG + 6 RTG)	1.818.573.938	884.646.719
Dự án các công trình kho bãi chứa hàng hậu phương sau cầu số 5, 6	14.742.172.460	895.018.373
Bãi chứa hàng hậu phương số 3, 4	543.002.909	543.002.909
Công trình khác	1.870.318.962	1.931.630.294
	18.974.068.269	5.390.149.204

13. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trả trước phí bảo hiểm	6.441.612.474	3.037.046.585
Công cụ, dụng cụ	4.353.650.639	2.444.759.905
Chi phí sửa chữa	-	4.924.654.143
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	817.170.212	358.984.727
	11.612.433.325	10.765.445.360

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ, dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	5.375.494.468	25.649.568.000	31.025.062.468
Tăng trong năm	3.604.937.591	-	3.604.937.591
Phân bổ trong năm	(3.316.167.616)	(12.824.784.000)	(16.140.951.616)
Giảm do tách các đơn vị trực thuộc thành công ty con (Thuyết minh 35)	(2.209.106.687)	-	(2.209.106.687)
Thanh lý	(241.600.000)	-	(241.600.000)
	3.213.557.756	12.824.784.000	16.038.341.756

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</i>			
Chi phí lãi vay ODA cầu số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ và gói thiết bị chưa được duyệt phương án trả nợ và đồng tiền vay	20%	18.591.516.184	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	20%	(911.868.686)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		17.679.647.498	-

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và nhà cung cấp là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<i>Các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	5.639.557.044	8.140.660.651
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	912.249.481	126.486.987
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	56.401.318	-
<i>Các bên thứ ba</i>		
Các nhà cung cấp khác	29.423.840.016	33.058.121.117
	36.032.047.859	41.325.268.755

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2016 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã được khấu trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	32.137.337.759	(30.312.176.641)	1.825.161.118

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã bù trừ/ nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.595.744.319	68.029.727.736	(70.666.685.377)	2.958.786.678
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.457.077.106	66.111.309.352	(59.932.380.841)	34.636.005.617
Tiền thuê đất	-	20.872.671.000	(20.872.671.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	8.650.447.382	(8.122.965.648)	527.481.734
Các loại thuế khác	8.521.200	154.400.000	(162.921.200)	-
	34.061.342.625	163.818.555.470	(159.757.624.066)	38.122.274.029

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi vay phải trả	95.085.298.982	51.952.211.042
Các khoản trích trước khác	312.821.591	-
	95.398.120.573	51.952.211.042

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Cổ tức phải trả Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	170.269.770.000
Phải trả người lao động liên quan đến thuế thu nhập cá nhân khấu trừ thừa	1.073.874.631	4.461.931.368
Bảo hiểm xã hội	2.642.439	-
Kinh phí công đoàn	624.174.803	928.747.320
Phải trả tiền ăn ca	8.043.082.000	1.178.760.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	425.807.090	3.240.519.364
	<hr/>	
	10.169.580.963	180.079.728.052
	<hr/>	

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay dài hạn đến hạn trả	28.036.566.558	32.895.987.126	(31.398.005.640)	29.534.548.044
	<hr/>			

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Vay dài hạn	767.279.355.146	775.842.162.399
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(29.534.548.044)	(28.036.566.558)
	<hr/>	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	737.744.807.102	747.805.595.841
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay ODA giai đoạn II	JPY	1,5%	2029	383.949.124.559	392.511.931.812
Vay ODA giai đoạn II bổ sung (thuyết minh 36)	VND	9,7%	2029 (*)	41.219.984.859	41.219.984.859
Vay ODA cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ	VND	9,7%	2020 (*)	342.110.245.728	342.110.245.728
				767.279.355.146	775.842.162.399

(*) Ngày 10 tháng 10 năm 2016, giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” phê duyệt bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Thuyết minh 38). Theo đó, giá trị khoản vay cho cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ và gói thiết bị ODA giai đoạn II bổ sung mà Công ty phải nhận nợ là 383.330.230.587 VND từ ngày 1 tháng 7 năm 2014. Năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay này bằng VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thực hiện trích trước chi phí lãi vay phải trả từ ngày 1 tháng 7 năm 2014. Công ty đã xây dựng phương án trả khoản vay trên với lãi suất 9,5%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm theo yêu cầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Cũng theo phương án trả khoản vay nói trên, thời hạn của khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn II bổ sung là đến năm 2029 và thời hạn của khoản vay cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ là đến năm 2020. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	115.625.761.478	164.468.862.263
Trích lập trong năm	44.087.275.360	14.138.581.572
Sử dụng trong năm	(144.006.665.031)	(62.981.682.357)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	15.706.371.807	115.625.761.478

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Sửa chữa định kỳ tài sản cố định VND
Số dư đầu năm	28.167.835.000
Sử dụng dự phòng trong năm	(4.344.974.000)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.406.276.000)
Hoàn nhập dự phòng khi giải thể chi nhánh	(9.679.287.000)
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.737.298.000

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	3.269.600.000.000	107.729.136	170.250.421.184	3.439.958.150.320
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	355.764.372.759	355.764.372.759
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	10.653.175.730	(10.653.175.730)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(14.138.581.572)	(14.138.581.572)
Cổ tức	-	-	(179.828.000.000)	(179.828.000.000)
Tăng khác	-	138.642.200	-	138.642.200
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.269.600.000.000	10.899.547.066	321.395.036.641	3.601.894.583.707
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	449.403.281.638	449.403.281.638
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	49.886.306.447	(49.886.306.447)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(44.087.275.360)	(44.087.275.360)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(294.264.000.000)	(294.264.000.000)
Tăng khác	-	131.994.000	-	131.994.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.269.600.000.000	60.917.847.513	382.560.736.472	3.713.078.583.985

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho năm 2015 trị giá 261.568 triệu VND, trong đó 98.088 triệu VND đã được tạm ứng theo Nghị quyết số 45/NQ-CHP ngày 8 tháng 9 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2016 là 130.784 triệu VND theo Nghị quyết số 63/NQ-CHP ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng Quản trị.

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	10.873.931	247.001.715.743	18.890	424.201.354
EUR	28.277	674.784.320	28.220	689.724.533
		247.676.500.063		1.113.925.887

27. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	208.253.231.342	71.626.876.300
Lãi tiền gửi	32.822.662.968	29.691.635.209
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.668.604.312	9.497.330.182
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	285.629.425
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.639.539	83.887.697
	243.757.138.161	111.185.358.813

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí tài chính**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	49.704.227.441	60.178.704.770
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.522.861.446	9.032.859.437
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.896.121.190	85.612.972
Dự phòng tổn thất đầu tư	12.727.353.240	-
Lỗ do thoái vốn khoản đầu tư vào công ty liên kết	889.170.396	-
	<hr/>	<hr/>
	82.739.733.713	69.297.177.179

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	56.676.723.592	63.662.859.788
Phân bổ lợi thế kinh doanh	12.824.784.000	12.824.784.000
Chi phí khấu hao	3.092.472.500	3.601.995.000
Dự phòng phải thu khó đòi	6.635.383.274	2.880.494.523
Chi phí văn phòng phẩm	3.373.046.700	2.470.295.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.872.337.708	4.624.938.933
Chi phí khác	33.884.941.424	30.252.059.622
	<hr/>	<hr/>
	121.359.689.198	120.317.427.679

31. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi do thanh lý công cụ, dụng cụ	1.475.874.613	200.153.148
Tiền bồi thường	598.916.650	89.100.000
Thu nhập tiền điện cho thuê	508.000.460	699.307.078
Các khoản khác	531.579.223	1.952.016.594
	<hr/>	<hr/>
	3.114.370.946	2.940.576.820

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

32. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	67.600.920.499	115.043.167.793
Chi phí nhân công	362.027.647.176	566.745.882.263
Chi phí khấu hao	254.545.593.791	316.257.742.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.896.283.796	111.211.192.195
Chi phí khác	130.781.300.281	161.637.226.378

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	66.111.309.352	94.952.498.578
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(17.679.647.498)	-
Chi phí thuế thu nhập	48.431.661.854	94.952.498.578

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	497.834.943.492	450.716.871.337
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	99.566.988.698	99.157.711.694
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	470.727.575	1.588.119.038
Giá trị thuế của khoản thu nhập không bị tính thuế	(41.650.646.268)	(15.757.912.786)
Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại từ lãi vay cầu số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ giai đoạn từ 1/7/2014 đến 31/12/2015	(9.955.408.151)	-
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	-	9.955.408.151
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.172.481
	48.431.661.854	94.952.498.578

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 (2015: 22%).

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty mẹ		
Tạm ứng cổ tức năm 2016	121.056.550.800	-
Chia cổ tức năm 2015	151.320.688.500	92.874.420.000
Chia cổ tức năm 2014	-	77.395.350.000
Cung cấp dịch vụ	1.871.710.737	-
Quyết toán về cổ phần hóa	78.704.002.961	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ		
Cung cấp dịch vụ	2.429.672.895	5.168.814.764
Mua dịch vụ	1.363.944.527	679.106.793
Cổ tức được chia	153.000.000.000	71.400.000.000

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch		
	2016 VND	2015 VND	
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu			
Góp vốn bằng tiền	28.153.801.967		-
Mua dịch vụ	410.644.182		-
Lợi nhuận được chia	53.127.415.648		-
Công ty TNHH MTV Đào tạo KTNV Cảng Hải Phòng			
Góp vốn bằng tiền	573.153.359		-
Cung cấp dịch vụ	586.184.210		-
Mua dịch vụ	302.560.000		-
Lợi nhuận được chia	15.418.724		-
Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng			
Góp vốn bằng tiền	1.225.079.067		-
Mua dịch vụ	1.287.280.945		-
Lợi nhuận được chia	298.129.670		-
Công ty Cổ Phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng			
Cung cấp dịch vụ	14.304.769.024	12.742.385.838	
Mua dịch vụ	31.248.271.197	42.223.482.386	
Cổ tức được chia	1.620.000.000		-
Thành viên Ban Tổng Giám đốc			
Tiền lương và thưởng	6.272.102.678	5.273.750.086	

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND	
Sử dụng tài sản và nợ phải trả để thành lập công ty con:			
▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(1.110.571.791)		-
▪ Phải thu ngắn hạn khác	(17.653.800.046)		-
▪ Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	480.055.909		-
▪ Hàng tồn kho	(8.036.848.161)		-
▪ Chi phí trả trước ngắn hạn	(1.859.518.000)		-
▪ Tài sản cố định hữu hình	(415.385.817.227)		-
▪ Chi phí trả trước dài hạn	(2.209.106.687)		-
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	1.997.353.446		-
▪ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.560.343.385		-
▪ Phải trả người lao động	14.275.729.285		-
▪ Phải trả ngắn hạn khác	10.894.214.280		-
Bù trừ cổ tức phải trả với phải thu khác	20.000.000.000		-
Bù trừ cổ tức phải trả với phải thu về cổ phần hóa	78.704.002.961		-

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Số liệu so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hiện tại, Ban Tổng Giám đốc đã phát hiện một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không được phân loại đúng trong báo cáo tài chính năm trước như sau:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn trên một năm với giá trị 15.504.823.644 VND được phân loại là phải thu dài hạn của khách hàng;
- Phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn trên một năm có giá trị 150.000.000 VND được phân loại là phải thu dài hạn khác;
- Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi có giá trị 13.780.724.899 VND được phân loại là dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi;
- Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết có giá trị 77.551.047.448 VND được phân loại là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác mặc dù Công ty nắm giữ trên 20% sở hữu và quyền biểu quyết của các bên nhận đầu tư; và
- Hàng tồn kho có giá trị 10.558.922.152 VND được phân loại là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định điều chỉnh hồi tố giá trị tài sản theo quyết toán vốn Nhà nước, cụ thể như sau:

Ngày 10 tháng 10 năm 2016, giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/06/2014)” được phê duyệt bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Ảnh hưởng của vấn đề này đối với một số khoản mục trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

- Phải thu ngắn hạn khác giảm 23.881.541.657 VND;
- Hàng tồn kho giảm 38.743.532 VND;
- Tài sản cố định hữu hình - nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế giảm 58.650.036.275 VND và 123.784.080.323 VND tương ứng;
- Tài sản cố định vô hình - nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tăng cùng một giá trị 1.747.776.738 VND;
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tăng 6.226.000 VND; và
- Vay dài hạn tăng 41.219.984.859 VND.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh lại các khoản mục này như được trình bày trong số liệu so sánh của báo cáo tài chính riêng này. Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 đã được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

	1/1/2016		Điều chỉnh hồi tố theo Quyết toán vốn Nhà nước VND	1/1/2016
	(theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh lại VND		(đã điều chỉnh lại) VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	173.444.912.258	15.504.823.644	-	188.949.735.902
Phải thu ngắn hạn khác	133.720.232.467	150.000.000	(23.881.541.657)	109.988.690.810
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(13.780.724.899)	-	(13.780.724.899)
Hàng tồn kho	19.067.789.514	10.558.922.152	(38.743.532)	29.587.968.134
Tài sản cố định hữu hình	2.805.539.435.743	-	65.134.044.048	2.870.673.479.791
<i>Nguyên giá</i>	<i>5.403.863.939.616</i>	-	<i>(58.650.036.275)</i>	<i>5.345.213.903.341</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(2.598.324.503.873)</i>	-	<i>123.784.080.323</i>	<i>(2.474.540.423.550)</i>
Tài sản cố định vô hình	815.781.000	-	-	815.781.000
<i>Nguyên giá</i>	<i>27.973.244.400</i>	-	<i>1.747.776.738</i>	<i>29.721.021.138</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(27.157.463.400)</i>	-	<i>(1.747.776.738)</i>	<i>(28.905.240.138)</i>
Phải thu dài hạn của khách hàng	15.504.823.644	(15.504.823.644)	-	-
Phải thu dài hạn khác	150.000.000	(150.000.000)	-	-
Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	(13.780.724.899)	13.780.724.899	-	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	-	77.551.047.448	-	77.551.047.448
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	95.299.957.448	(77.551.047.448)	6.226.000	17.755.136.000
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10.558.922.152	(10.558.922.152)	-	-
Vay dài hạn	706.585.610.982	-	41.219.984.859	747.805.595.841

26 -03- 2017

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Phạm Hồng Minh
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 118/QĐ-HHVN Ngày 8 tháng 4 năm 2014

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh Nghiệp số** 0200236845 Ngày 18 tháng 7 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200236845 ngày 18 tháng 7 năm 2014.

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Việt	Thành viên
Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên
Ông Trương Văn Thái	Thành viên
Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Hải	Thành viên
Ông Bùi Chiến Thắng	Thành viên

(đến ngày 29 tháng 9 năm 2016)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban
Bà Đào Thị Thu Hà	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc
Ông Cao Trung Ngoan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 12 tháng 7 năm 2016)

Ông Bùi Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
---------------------	-------------------

(đến ngày 31 tháng 8 năm 2016)

Trụ sở đăng ký Số 8A Đường Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Phạm Hồng Minh
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Hải Phòng, 26-03-2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- (i) Như được trình bày tại Thuyết minh 6(b), Công ty không thể thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc, một công ty liên kết của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016. Vì vậy, khoản đầu tư vào công ty liên kết này đã được phản ánh theo nguyên giá mà không được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Cũng do không có báo cáo tài chính của công ty liên kết này, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến đầu tư vào các công ty liên kết, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- (ii) Tài sản cố định của Công ty là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 là thời điểm Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Công ty đã ghi nhận các tài sản nói trên theo giá trị định giá lại khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT phê duyệt giá trị quyết toán của các tài sản này và yêu cầu Công ty nhận nợ khoản vay vốn ODA liên quan đến các tài sản này do nguồn vốn đầu tư dự án hình thành các tài sản nói trên trước đây bao gồm vốn vay ODA và vốn Nhà nước. Giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” được phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2016 bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, trong năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay bằng VND và điều chỉnh hồi tố giá trị tài sản cố định hữu hình. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước theo biên bản trên có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng. Chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này đối với các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến tài sản cố định hữu hình – nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, phải thu về cổ phần hóa, vay ngắn hạn, vay dài hạn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh 38 của báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại. Ý kiến ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính rằng các số liệu so sánh đã trình bày, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 38 của báo cáo tài chính hợp nhất, là số liệu căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 trong báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 3 năm 2016.

Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh như được trình bày tại Thuyết minh 38 được áp dụng để điều chỉnh các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Chúng tôi không được chỉ định để kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, ngoài các thủ tục kiểm toán được thực hiện đối với những điều chỉnh được trình bày ở Thuyết minh 38 của báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán hay bất kỳ sự đảm bảo nào về báo cáo tài chính đó. Theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 38 là phù hợp và được áp dụng đúng.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-149-d



Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2017

Trương Tuyết Mai
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2014-007-1

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.880.382.673.696	1.836.887.204.128
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	520.069.355.892	42.454.875.739
Tiền	111		354.069.355.892	42.454.875.739
Các khoản tương đương tiền	112		166.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.007.981.000.000	1.340.067.450.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	1.007.981.000.000	1.340.067.450.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		298.334.866.511	394.104.795.731
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	271.162.397.741	251.107.879.060
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		26.775.752.709	40.589.446.840
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	22.715.713.375	116.960.348.330
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(22.318.997.314)	(14.552.878.499)
Hàng tồn kho	140	10	34.882.332.735	40.294.524.500
Hàng tồn kho	141		34.882.332.735	40.294.524.500
Tài sản ngắn hạn khác	150		19.115.118.558	19.965.558.158
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	16.085.209.414	16.242.068.218
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(a)	2.657.689.536	1.192.387.225
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17(b)	372.219.608	2.531.102.715

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.248.272.186.226	3.484.440.066.811
Các khoản phải thu dài hạn	210		561.681.000	593.181.000
Phải thu dài hạn khác	216		561.681.000	593.181.000
Tài sản cố định	220		2.866.811.353.256	3.147.088.122.974
Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.865.425.911.731	3.145.136.299.935
<i>Nguyên giá</i>	222		6.468.835.929.197	6.326.579.221.459
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.603.410.017.466)	(3.181.442.921.524)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.385.441.525	1.951.823.039
<i>Nguyên giá</i>	228		34.507.825.838	34.223.325.838
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(33.122.384.313)	(32.271.502.799)
Tài sản dở dang dài hạn	240		60.571.946.452	20.598.924.390
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	60.571.946.452	20.598.924.390
Đầu tư tài chính dài hạn	250		247.231.501.058	252.030.752.063
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	230.497.496.070	234.280.616.063
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	17.755.136.000	17.755.136.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(c)	(1.021.131.012)	(5.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		73.095.704.460	64.129.086.384
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	55.620.208.276	64.129.086.384
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	17.475.496.184	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.128.654.859.922	5.321.327.270.939

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.281.065.792.635	1.560.864.908.887
Nợ ngắn hạn	310		504.734.833.269	723.529.503.046
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	60.854.194.373	58.659.537.544
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.968.612.358	6.577.293.681
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(c)	47.757.665.292	40.734.466.910
Phải trả người lao động	314		136.934.846.236	172.261.508.294
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	95.557.004.331	52.146.398.006
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		464.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	30.088.255.478	183.445.925.724
Vay ngắn hạn	320	20(a)	65.307.186.147	63.395.046.558
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21(a)	41.060.000.000	26.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	21.743.069.054	120.309.326.329
Nợ dài hạn	330		776.330.959.366	837.335.405.841
Vay dài hạn	338	20(b)	762.991.416.922	808.067.570.841
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	3.602.244.444	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21(b)	9.737.298.000	29.267.835.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.847.589.067.287	3.760.462.362.052
Vốn chủ sở hữu	410	23	3.847.589.067.287	3.760.462.362.052
Vốn cổ phần	411	24	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		72.599.527.038	72.599.527.038
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	156.122.712.580	95.590.703.400
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		506.212.971.005	462.891.641.790
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		176.124.768.604	119.009.730.686
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		330.088.202.401	343.881.911.104
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		456.355.547.773	473.082.180.933
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.128.654.859.922	5.321.327.270.939

26 -03- 2017

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Phạm Hồng Minh
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	2.401.885.380.184	2.350.208.581.682
Giá vốn hàng bán	11		1.511.042.414.180	1.500.073.276.926
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		890.842.966.004	850.135.304.756
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	79.097.159.273	87.217.619.351
Chi phí tài chính	22	30	75.462.401.544	79.549.740.092
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		52.479.199.297	64.566.025.484
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		11.457.591.036	13.234.983.967
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	213.878.024.890	165.742.671.448
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		692.057.289.879	705.295.496.534
Thu nhập khác	31		4.465.064.562	4.079.678.637
Chi phí khác	32		1.978.998.171	1.082.281.809
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.486.066.391	2.997.396.828
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		694.543.356.270	708.292.893.362
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	111.119.144.368	125.586.942.247
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	33	(15.133.251.740)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		598.557.463.642	582.705.951.115

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		460.872.202.401	443.365.271.104
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		137.685.261.241	139.340.680.011
<hr/>				
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.409,57	1.356,02
<hr/>				

26 -03- 2017

Người lập:

Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Phạm Hồng Minh
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		694.543.356.270	708.292.893.362
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		421.664.231.056	397.766.776.344
Các khoản dự phòng	03		4.311.712.827	23.610.101.463
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		14.444.735.559	4.939.951.844
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(82.568.766.634)	(83.263.691.098)
Chi phí lãi vay	06		52.479.199.297	64.870.213.066
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.104.874.468.375	1.116.216.244.981
Biến động các khoản phải thu	09		16.997.081.493	87.139.689.305
Biến động hàng tồn kho	10		5.412.191.765	(1.953.156.867)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(13.723.365.667)	24.844.485.472
Biến động chi phí trả trước	12		8.665.736.912	(2.626.269.123)
			1.122.226.112.878	1.223.620.993.768
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.463.486.108)	(14.857.228.464)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(104.645.824.483)	(123.297.153.004)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	14.834.463.663
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(154.469.277.237)	(91.314.697.166)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		853.647.525.050	1.008.986.378.797

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(204.395.607.900)	(296.185.772.893)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		55.354.530	-
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(2.482.672.000.000)	(4.101.025.570.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		2.814.758.450.000	3.599.432.876.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(11.596.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		5.114.639.588	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		78.045.464.350	69.680.457.709
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		199.310.300.568	(728.098.009.184)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		110.000.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(176.837.863.556)	(214.247.183.833)
Tiền trả cổ tức	36		(513.609.853.299)	(77.530.632.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(580.447.716.855)	(291.777.815.853)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		472.510.108.763	(10.889.446.240)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	42.454.875.739	53.328.476.304
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.104.371.390	15.845.675
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	520.069.355.892	42.454.875.739

26 -03- 2017

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Phạm Hồng Minh
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa theo Quyết định số 118/QĐ-HHVN ngày 8 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt và chuyển Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Cảng Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khai thác khác;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình dân dụng khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động bệnh viện, trạm xá;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; và
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không phục vụ quầy bar).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Công ty có trụ sở văn phòng chính tại số 8A Đường Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 2 đơn vị trực thuộc (1/1/2016: 5 đơn vị trực thuộc) và 5 công ty con (1/1/2016: 2 công ty con) như sau:

(i) Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ	Số 5 Chùa Vẽ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Cảng Tân Vũ	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

(ii) Các công ty con

	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	100%
Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	60%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Hải Phòng	51%

Ngày 1 tháng 2 năm 2016, Công ty đã giải thể 3 đơn vị trực thuộc là chi nhánh Cảng Hoàng Diệu, chi nhánh Cảng Bạch Đằng và Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và thành lập 3 công ty con là Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và các công ty con có 8 công ty liên kết (1/1/2016: 8 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và các công ty con có 3.984 nhân viên (1/1/2016: 4.042 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty và các công ty con, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty và các công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty và các công ty con trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 13 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 20 năm.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 43 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty hoặc các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng sửa chữa định kỳ tài sản cố định

Khoản dự phòng về chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ được lập cho một số máy móc và thiết bị cần thiết phải sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Khoản dự phòng được lập hàng năm dựa trên ước tính của Công ty và công ty con về chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh và được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt hàng năm.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Việc lập dự phòng sửa chữa định kỳ tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó có điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa định kỳ tài sản cố định, điều kiện về nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 không được thỏa mãn mặc dù việc lập dự phòng sửa chữa định kỳ tài sản cố định là tuân theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp dựa trên số liệu của bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các công ty liên quan đề cập đến các công ty liên kết, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận**

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Dịch vụ kho vận, bốc dỡ hàng hóa và các dịch vụ khai thác cảng hàng hải khác
- Hoạt động khác (dịch vụ khám chữa bệnh và dịch vụ giáo dục nghề nghiệp)

	Dịch vụ kho vận, bốc dỡ hàng hóa và các dịch vụ khai thác cảng hàng hải khác		Hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	2.395.482.293.473	2.348.037.537.113	6.403.086.711	2.171.044.569	-	-	2.401.885.380.184	2.350.208.581.682
Doanh thu giữa các bộ phận	64.357.104.251	60.458.955.781	2.839.517.945	354.834.000	(67.196.622.196)	(60.813.789.781)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	2.459.839.397.724	2.408.496.492.894	9.242.604.656	2.525.878.569	(67.196.622.196)	(60.813.789.781)	2.401.885.380.184	2.350.208.581.682
Kết quả kinh doanh của bộ phận	887.040.780.118	851.367.935.649	3.802.185.886	(1.232.630.893)	-	-	890.842.966.004	850.135.304.756
Chi phí không phân bổ							210.243.267.161	158.074.792.189
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							680.599.698.843	692.060.512.567
Thu nhập khác							4.465.064.562	4.079.678.637
Chi phí khác							1.978.998.171	1.082.281.809
Phần chia lãi trong công ty liên kết							11.457.591.036	13.234.983.967
Thuế thu nhập doanh nghiệp							95.985.892.628	125.586.942.247
Lợi nhuận thuần sau thuế							598.557.463.642	582.705.951.115

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Dịch vụ kho vận, bốc dỡ hàng hóa và các dịch vụ khai thác cảng hàng hải khác		Hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản của bộ phận	4.796.541.961.489	5.002.426.057.071	18.668.845.543	14.596.823.911	-	-	4.815.210.807.032	5.017.022.880.982
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	230.497.496.070	234.280.616.063	-	-	-	-	230.497.496.070	234.280.616.063
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	82.946.556.820	70.023.773.894
Tổng tài sản	5.027.039.457.559	5.236.706.673.134	18.668.845.543	14.596.823.911	-	-	5.128.654.859.922	5.321.327.270.939
Tổng nợ phải trả	1.341.255.672.393	1.569.608.651.510	2.668.845.543	887.066.577	(62.858.725.301)	(9.630.809.200)	1.281.065.792.635	1.560.864.908.887
	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	204.395.607.900	296.185.772.893	-	-	-	-	204.395.607.900	296.185.772.893
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	419.910.666.614	395.333.912.982	902.682.928	1.021.321.600	-	-	420.813.349.542	396.355.234.582
Khấu hao tài sản cố định vô hình	850.881.514	1.411.541.762	-	-	-	-	850.881.514	1.411.541.762

Ban Tổng Giám đốc xác định rằng, hiện tại Công ty và các công ty con hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất là lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.842.611.168	507.073.233
Tiền gửi ngân hàng	352.226.744.724	41.947.802.506
Các khoản tương đương tiền	166.000.000.000	-
	520.069.355.892	42.454.875.739

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 6.785.100 USD (tương đương 154.090 triệu VND) (1/1/2016: 0 VND) bị hạn chế sử dụng do được dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

6. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.007.981.000.000	1.007.981.000.000	1.340.067.450.000	1.340.067.450.000

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 46.281 triệu VND (1/1/2016: 0 VND) bị hạn chế sử dụng do được dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư vào các công ty liên kết**

Đầu tư vào công ty liên kết bao gồm:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	140.209.349.543	146.476.415.954
Công Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	18.137.933.436	16.553.152.661
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	2.662.133.447	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	26.665.143.948	25.289.203.035
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô – Cảng Hải Phòng (*)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	25.584.356.599	31.440.000.000
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc (**)	5.518.034.429	5.518.034.429
Công ty Cổ phần HGH Logistics	11.720.544.668	-
Trường Cao đẳng Nghề Hàng hải Việt Nam	-	6.003.809.984
	<hr/>	<hr/>
	230.497.496.070	234.280.616.063

(*) Phần lỗ phải chia từ Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô – Cảng Hải Phòng đã vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết này.

(**) Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của công ty liên kết này để hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Ngày 25 tháng 4 năm 2016, Công ty thoái vốn khỏi công ty liên kết là Trường Cao đẳng Nghề Hàng hải Việt Nam. Ngày 4 tháng 10 năm 2016, Công ty đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần HGH Logistics.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2016			1/1/2016			Giá trị hợp lý VND
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND Đã điều chỉnh lại	Dự phòng VND Đã điều chỉnh lại	Giá trị hợp lý VND	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	Hải Phòng	0,13%	15.307.119.745	-	(*)	0,13%	15.307.119.745	-	(*)
Công ty Cổ phần Tin học và Công nghệ Hàng hải	Hải Phòng	3,06%	144.385.243	-	(*)	3,06%	144.385.243	-	(*)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Hải Phòng	0,45%	122.500.000	-	413.271.120	0,45%	122.500.000	(5.000.000)	117.500.000
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	Hải Phòng	1,41%	2.181.131.012	(1.021.131.012)	1.160.000.000	1,41%	2.181.131.012	-	1.556.000.000
			<u>17.755.136.000</u>	<u>(1.021.131.012)</u>			<u>17.755.136.000</u>	<u>(5.000.000)</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	1.661.611.165	-
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	2.194.810.424	734.835.530
Công ty TNHH Tiếp Vận SITC – Đình Vũ	164.599.556	151.996.962
Các bên thứ ba		
Maersk Line A/S	23.175.220.963	25.360.355.030
Công ty TNHH SITC Container Lines	23.390.138.874	21.650.419.425
Các khách hàng khác	220.576.016.759	203.210.272.113
	271.162.397.741	251.107.879.060

Khoản phải thu từ Công ty mẹ và các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 15 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Phải thu về cổ phần hóa từ công ty mẹ – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	99.960.782.454
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	15.183.230.534	11.249.688.890
Phải thu bổ sung thuế thu nhập cá nhân từ người lao động	2.711.502.615	905.136.347
Tạm ứng	502.594.272	797.684.716
Ký quỹ	52.000.000	52.000.000
Phải thu khác	4.266.385.954	3.995.055.923
	22.715.713.375	116.960.348.330

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2016			Số ngày quá hạn	1/1/2016		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	Trên 3 năm	3.271.865.211	(3.271.865.211)	-	Trên 3 năm	3.236.585.742	(3.236.585.742)	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	Trên 3 năm	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-	Trên 3 năm	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hải Châu	2 - 3 năm	965.762.010	(795.118.197)	170.643.813	1 - 2 năm	965.762.010	(482.881.005)	482.881.005
					Dưới 6 tháng			
Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container	1 - 3 năm	2.852.328.497	(1.461.273.917)	1.391.054.580	- 2 năm	3.006.328.497	-	3.006.328.497
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	6 tháng - 2 năm	9.930.305.723	(4.355.036.239)	5.575.269.484	Dưới 6 tháng	6.066.389.766	-	6.066.389.766
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	4.036.747.499	(4.036.747.499)	-	Trên 3 năm	3.997.782.609	(3.997.782.609)	-
Các khách hàng khác	Dưới 3 năm	4.933.984.974	(1.770.089.433)	3.163.895.541	Dưới 3 năm	413.524.650	(206.762.325)	206.762.325
		32.619.860.732	(22.318.997.314)	10.300.863.418		24.315.240.092	(14.552.878.499)	9.762.361.593

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(22.318.997.314)

(14.552.878.499)

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Hàng tồn kho

	31/12/2016	1/1/2016
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Hàng mua đang đi trên đường	1.837.800.000	-
Nguyên vật liệu	23.517.340.393	29.160.028.886
Công cụ và dụng cụ	9.322.313.066	11.047.463.635
Hàng hóa	204.879.276	87.031.979
	<hr/>	<hr/>
	34.882.332.735	40.294.524.500
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	2.619.297.283.022	532.048.376.279	3.128.782.352.545	46.451.209.613	6.326.579.221.459
<i>Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>2.668.819.509.090</i>	<i>532.048.376.279</i>	<i>3.095.001.244.854</i>	<i>89.360.127.511</i>	<i>6.385.229.257.734</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 38)</i>	<i>(49.522.226.068)</i>	-	<i>33.781.107.691</i>	<i>(42.908.917.898)</i>	<i>(58.650.036.275)</i>
Tăng trong năm	2.302.749.252	68.634.090.454	39.720.000	1.667.730.000	72.644.289.706
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	33.005.832.780	194.871.730	29.530.134.385	6.964.604.237	69.695.443.132
Thanh lý	(83.025.100)	-	-	-	(83.025.100)
Số dư cuối năm	2.654.522.839.954	600.877.338.463	3.158.352.206.930	55.083.543.850	6.468.835.929.197
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	1.265.186.307.796	309.585.849.717	1.580.494.150.225	26.176.613.786	3.181.442.921.524
<i>Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>1.358.368.511.207</i>	<i>309.585.849.717</i>	<i>1.568.153.989.500</i>	<i>69.118.651.423</i>	<i>3.305.227.001.847</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 38)</i>	<i>(93.182.203.411)</i>	-	<i>12.340.160.725</i>	<i>(42.942.037.637)</i>	<i>(123.784.080.323)</i>
Khấu hao trong năm	126.976.468.223	56.741.762.405	232.445.965.462	5.850.644.852	422.014.840.942
Thanh lý	(47.745.000)	-	-	-	(47.745.000)
Số dư cuối năm	1.392.115.031.019	366.327.612.122	1.812.940.115.687	32.027.258.638	3.603.410.017.466
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	1.354.110.975.226	222.462.526.562	1.548.288.202.320	20.274.595.827	3.145.136.299.935
Số dư cuối năm	1.262.407.808.935	234.549.726.341	1.345.412.091.243	23.056.285.212	2.865.425.911.731

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 471.297 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 453.806 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 113.730 triệu VND (1/1/2016: 157.429 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	34.223.325.838
<i>Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>32.475.549.100</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 38)</i>	<i>1.747.776.738</i>
Tăng trong năm	284.500.000
Số dư cuối năm	34.507.825.838
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	32.271.502.799
<i>Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>30.523.726.061</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 38)</i>	<i>1.747.776.738</i>
Khấu hao trong năm	850.881.514
Số dư cuối năm	33.122.384.313
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	1.951.823.039
Số dư cuối năm	1.385.441.525

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 28.638 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 26.890 triệu VND).

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	20.598.924.390	91.424.481.229
Tăng trong năm	109.668.465.194	20.851.968.202
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(69.695.443.132)	(91.677.525.041)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	60.571.946.452	20.598.924.390

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công trình nhà điều hành 5 tầng Đình Vũ	40.794.401.820	11.864.211.818
Nâng cấp hệ thống điện điều khiển cầu trục	-	2.955.890.909
Dự án tàu trọng tải lớn vào cảng	-	1.135.850.909
Đường RTG trên bãi tiền phương (đường 12 RTG + 6 RTG)	1.818.573.938	884.646.719
Dự án các công trình kho bãi chứa hàng hậu phương sau cầu số 5, 6	14.742.172.460	895.018.373
Công trình khác	3.216.798.234	2.863.305.662
	<hr/>	<hr/>
	60.571.946.452	20.598.924.390

14. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trả trước phí bảo hiểm	7.351.663.826	3.717.521.846
Công cụ, dụng cụ	6.964.850.800	3.812.553.168
Chi phí sửa chữa	416.000.000	8.279.675.143
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.352.694.788	432.318.061
	<hr/>	<hr/>
	16.085.209.414	16.242.068.218

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ, dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Chi phí thuê đất VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	5.688.394.468	25.649.568.000	31.246.271.916	1.544.852.000	64.129.086.384
Tăng trong năm	5.827.880.256	-	-	5.410.386.470	11.238.266.726
Phân bổ trong năm	(5.156.198.692)	(12.824.784.000)	(307.831.307)	(1.216.730.835)	(19.505.544.834)
Thanh lý	(241.600.000)	-	-	-	(241.600.000)
	6.118.476.032	12.824.784.000	30.938.440.609	5.738.507.635	55.620.208.276

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Chi phí lãi vay ODA cầu số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ và gói thiết bị chưa được duyet phương án trả nợ và đồng tiền vay	20%	18.591.516.184	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	20%	(1.116.020.000)	-
Dự phòng loại trừ khi hợp nhất	20%	(3.602.244.444)	-
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(4.718.264.444)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		13.873.251.740	-
Phân loại trên bảng cân đối kế toán:			
Tài sản dài hạn khác		17.475.496.184	-
Nợ phải trả dài hạn		(3.602.244.444)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		13.873.251.740	-

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn****Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và nhà cung cấp là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<i>Các công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	4.835.569.329	2.503.498.112
<i>Các bên thứ ba</i>		
Các nhà cung cấp khác	56.018.625.044	56.156.039.432
	<u>60.854.194.373</u>	<u>58.659.537.544</u>

Khoản phải trả các công ty liên kết không được đảm bảo, không tính lãi và phải trả khi được yêu cầu.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/1/2016 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.192.387.225	69.952.459.640	(68.487.157.329)	2.657.689.536

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số đã bù trừ trong năm VND	Số nộp thừa trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	228.010.358	(194.117.750)	-	33.892.608
Thuế thu nhập cá nhân	2.303.092.357	(2.303.092.357)	-	-
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	-	338.327.000	338.327.000
	<u>2.531.102.715</u>	<u>(2.497.210.107)</u>	<u>338.327.000</u>	<u>372.219.608</u>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã bù trừ/ nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.070.766.049	143.303.438.793	(143.646.507.131)	5.727.697.711
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.520.353.336	111.119.144.368	(104.839.942.233)	40.799.555.471
Thuế thu nhập cá nhân	134.826.325	15.328.176.254	(14.232.590.469)	1.230.412.110
Tiền thuê đất	-	21.015.011.000	(21.015.011.000)	-
Các loại thuế khác	8.521.200	262.818.000	(271.339.200)	-
	40.734.466.910	291.028.588.415	(284.005.390.033)	47.757.665.292

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi vay phải trả	95.162.111.195	52.146.398.006
Các khoản trích trước khác	394.893.136	-
	95.557.004.331	52.146.398.006

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Cổ tức phải trả	2.964.012.050	172.933.868.310
Bảo hiểm xã hội	449.913.695	27.708.390
Kinh phí công đoàn	2.172.747.718	1.115.430.292
Phải trả tiền ăn ca	15.677.402.000	1.509.064.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.824.180.015	7.859.854.732
	30.088.255.478	183.445.925.724

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	-	110.000.000.000	(110.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	63.395.046.558	68.750.003.145	(66.837.863.556)	65.307.186.147
	63.395.046.558	178.750.003.145	(176.837.863.556)	65.307.186.147

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Vay dài hạn	828.298.603.069	871.462.617.399
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(65.307.186.147)	(63.395.046.558)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	762.991.416.922	808.067.570.841

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Vay ODA giai đoạn II	JPY	1,5%	2029	383.949.124.559	392.511.931.812
Vay ODA giai đoạn II bổ sung (Thuyết minh 38) (*)	VND	9,7%	2029	41.219.984.859	41.219.984.859
Vay ODA cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ (*)	VND	9,7%	2020	342.110.245.728	342.110.245.728
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu (**)	USD	4,25%	2018	61.019.247.923	95.620.455.000
				828.298.603.069	871.462.617.399

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Ngày 10 tháng 10 năm 2016, giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” phê duyệt bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Thuyết minh 38). Theo đó, giá trị khoản vay cho cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ và gói thiết bị ODA giai đoạn II bổ sung mà Công ty phải nhận nợ là 383.330.230.587 VND từ ngày 1 tháng 7 năm 2014. Năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay này bằng VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thực hiện trích trước chi phí lãi vay phải trả từ ngày 1 tháng 7 năm 2014. Công ty đã xây dựng phương án trả khoản vay trên với lãi suất 9,5%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm theo yêu cầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Cũng theo phương án trả khoản vay nói trên, thời hạn của khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn II bổ sung là đến năm 2029 và thời hạn của khoản vay cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ là đến năm 2020. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng.

(**) Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 113.730 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 157.429 triệu VND) (Thuyết minh 11).

21. Dự phòng phải trả

(a) Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự phòng sửa chữa định kỳ tài sản cố định	22.700.000.000	16.000.000.000
Dự phòng nợ vớt bến cảng	18.360.000.000	10.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	41.060.000.000	26.000.000.000

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Sửa chữa định kỳ tài sản cố định VND
Số dư đầu năm	29.267.835.000
Sử dụng dự phòng trong năm	(5.444.974.000)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.406.276.000)
Hoàn nhập dự phòng khi giải thể chi nhánh	(9.679.287.000)
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.737.298.000
	<hr/>

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	120.309.326.329	168.267.676.824
Trích lập trong năm	57.104.511.362	19.261.560.931
Sử dụng trong năm	(155.670.768.637)	(67.219.911.426)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	21.743.069.054	120.309.326.329
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015 – đã điều chỉnh lại	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	37.152.450.589	286.053.788.488	404.914.495.966	3.457.018.570.972
<i>Số dư tại ngày 1/1/2015 – theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>3.269.600.000.000</i>	<i>72.599.527.038</i>	<i>-</i>	<i>37.152.450.589</i>	<i>255.388.703.932</i>	<i>404.914.495.966</i>	<i>4.039.655.177.525</i>
<i>Điều chỉnh lại (*)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(613.301.691.109)</i>	<i>-</i>	<i>30.665.084.556</i>	<i>-</i>	<i>(582.636.606.553)</i>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	443.365.271.104	139.340.680.011	582.705.951.115
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	58.313.977.311	(58.313.977.311)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(16.762.369.187)	(2.499.191.744)	(19.261.560.931)
Cổ tức	-	-	-	-	(179.828.000.000)	(68.600.000.000)	(248.428.000.000)
Thay đổi khác	-	-	-	124.275.500	(11.623.071.304)	(73.803.300)	(11.572.599.104)
Số dư tại ngày 1/1/2016 – đã điều chỉnh lại	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	95.590.703.400	462.891.641.790	473.082.180.933	3.760.462.362.052

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016 – đã điều chỉnh lại	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	95.590.703.400	462.891.641.790	473.082.180.933	3.760.462.362.052
<i>Số dư tại ngày 1/1/2016 – theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2015</i>	3.269.600.000.000	72.599.527.038	-	95.590.703.400	370.896.388.122	473.082.180.933	4.281.768.799.493
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 38)</i>	-	-	(613.301.691.109)	-	91.995.253.668	-	(521.306.437.441)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	460.872.202.401	137.685.261.241	598.557.463.642
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	60.400.015.180	(60.400.015.180)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(50.772.616.961)	(6.331.894.401)	(57.104.511.362)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(294.264.000.000)	(148.080.000.000)	(442.344.000.000)
Thay đổi khác	-	-	-	131.994.000	(12.114.241.045)	-	(11.982.247.045)
Số dư tại ngày 31/12/2016	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	156.122.712.580	506.212.971.005	456.355.547.773	3.847.589.067.287

(*) Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc Công ty phát hiện ra chưa hạch toán đúng một số khoản mục trong báo cáo tài chính hợp nhất của các năm trước (Thuyết minh 38) và đã sửa chữa các vấn đề này.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho năm 2015 trị giá 261.568 triệu VND, trong đó 98.088 triệu VND đã được tạm ứng theo Nghị quyết số 45/NQ-CHP ngày 8 tháng 9 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2016 là 130.784 triệu VND theo Nghị quyết số 63/NQ-CHP ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng Quản trị.

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	13.044.552	296.513.175.629	42.307	949.677.039
EUR	28.283	674.905.866	28.225	689.849.862
		<u>297.188.081.495</u>		<u>1.639.526.901</u>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	62.220.738.694	55.330.282.486
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.357.280.675	12.265.047.099
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.726.893.065	308.303.216
Cổ tức và lợi nhuận được chia	9.779.607.300	19.230.098.853
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.639.539	83.887.697
	<hr/>	<hr/>
	79.097.159.273	87.217.619.351
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	52.479.199.297	64.566.025.484
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.906.272.215	14.863.132.976
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.171.628.624	120.581.632
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.016.131.012	-
Lỗ do thoái vốn khoản đầu tư vào công ty liên kết	889.170.396	-
	<hr/>	<hr/>
	75.462.401.544	79.549.740.092
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016	2015
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên quản lý	117.538.008.754	89.498.128.156
Phân bổ lợi thế kinh doanh	12.824.784.000	12.824.784.000
Chi phí khấu hao	7.474.777.722	7.227.743.877
Dự phòng phải thu khó đòi	7.766.118.815	1.684.788.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.927.405.253	6.050.111.672
Chi phí khác	60.346.930.346	48.457.115.681
	213.878.024.890	165.742.671.448
	213.878.024.890	165.742.671.448

32. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	135.547.830.744	158.564.345.129
Chi phí nhân công	759.111.802.760	703.274.964.031
Chi phí khấu hao và phân bổ	421.664.231.056	397.766.776.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.773.053.319	178.498.207.830
Chi phí khác	290.823.521.191	227.711.655.040
	1.724.920.439.070	1.665.815.948.374
	1.724.920.439.070	1.665.815.948.374

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	111.119.144.368	125.586.942.247
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời khi hợp nhất	2.342.244.444	-
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(17.475.496.184)	-
	(15.133.251.740)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	95.985.892.628	125.586.942.247

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016	2015
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	694.543.356.270	708.292.893.362
Thuế tính theo thuế suất của Công ty và các công ty con	146.191.287.976	131.354.522.577
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	1.033.778.494	1.928.341.459
Giá trị thuế của khoản thu nhập không bị tính thuế	(997.187.460)	(17.660.502.421)
Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại từ lãi vay cầu số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ giai đoạn từ 1/7/2014 đến 31/12/2015	(9.955.408.151)	-
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	-	9.955.408.151
Giá trị thuế của khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(18.763.867)	9.172.481
Giá trị thuế của khoản cổ tức trong nội bộ Công ty và các công ty con	(42.610.058.808)	-
Biến động chênh lệch tạm thời	2.342.244.444	-
	95.985.892.628	125.586.942.247

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con bao gồm Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng, Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng, và Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, một công ty con của Công ty, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2008 đến năm 2018 và theo thuế suất phổ thông sau đó. Công ty con này được giảm 50% thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2014.

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2016	2015 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông (VND) (*)	460.872.202.401	443.365.271.104
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	326.960.000	326.960.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.409,57	1.356,02

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty mẹ		
Tạm ứng cổ tức năm 2016	121.056.550.800	-
Chia cổ tức năm 2015	151.320.688.500	92.874.420.000
Chia cổ tức năm 2014	-	77.395.350.000
Cung cấp dịch vụ	1.871.710.737	-
Quyết toán về cổ phần hóa	78.704.002.961	-
Các công ty liên kết		
Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ		
Mua dịch vụ	-	40.243.500
Lợi nhuận được chia	16.830.000.000	16.267.222.553
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ		
Mua dịch vụ	27.078.302.623	31.039.853.205
Cổ tức được chia	2.736.000.000	2.736.000.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	6.272.102.678	5.273.750.086

36. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Ngày 25 tháng 1 năm 2017, Công ty đã thành lập một đoàn kiểm tra đến làm việc tại công ty con là Công ty TNHH Một Thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng. Đoàn kiểm tra đã phát hiện một số sai sót trong việc ghi nhận khoản thu từ dịch vụ khám sức khỏe và yêu cầu Công ty TNHH Một Thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng điều chỉnh các sai sót này trên báo cáo tài chính.

Tại ngày của báo cáo này, cơ quan chức năng vẫn đang tiến hành rà soát lại vấn đề này tại Công ty TNHH Một Thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và chưa có kết luận cuối cùng.

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Bù trừ cổ tức phải trả với phải thu khác	20.000.000.000	-
Bù trừ cổ tức phải trả với phải thu về cổ phần hóa	78.704.002.961	-

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Số liệu so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính cho năm hiện tại, Ban Tổng Giám đốc đã phát hiện một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không được phân loại đúng trong báo cáo tài chính năm trước như sau:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn trên một năm với giá trị 15.504.823.644 VND được phân loại là phải thu dài hạn của khách hàng;
- Phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn trên một năm có giá trị 150.000.000 VND được phân loại là phải thu dài hạn khác;
- Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi có giá trị 13.780.724.899 VND được phân loại là dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi;
- Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết có giá trị 77.551.047.448 VND được phân loại là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác mặc dù Công ty nắm giữ trên 20% sở hữu và quyền biểu quyết của các bên nhận đầu tư;
- Phần sở hữu của Công ty trong lỗ của công ty liên kết có giá trị 6.300.000.000 VND không được ghi nhận khi lập báo cáo tài chính hợp nhất;
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn có giá trị 6.300.000.000 VND cho công ty liên kết không được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Hàng tồn kho có giá trị 10.558.922.152 VND được phân loại là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng phát hiện ra chưa hạch toán đúng một số khoản mục trong báo cáo tài chính hợp nhất của các năm trước như sau:

Khi Công ty thực hiện cổ phần hóa vào năm 2014, khoản đầu tư vào công ty con của Công ty được đánh giá lại theo hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần với giá trị tăng thêm là 613.301.691.109 VND. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần ngày 1 tháng 7 năm 2014, Công ty ghi nhận khoản chênh lệch này là lợi thế thương mại và phân bổ trong 10 năm từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 thay vì ghi nhận là khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản theo hướng dẫn của các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ảnh hưởng của vấn đề này đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

- lợi thế thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thừa 521.306.437.441 VND;
- lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thiếu 91.995.253.668 VND;
- chênh lệch đánh giá lại tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thừa 613.301.691.109 VND;
- chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thừa 61.330.169.112 VND;
- lợi nhuận trước và sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thiếu 61.330.169.112 VND;
- lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thiếu 61.330.169.112 VND; và

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thiếu 187,58 VND.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định điều chỉnh hồi tố giá trị tài sản theo quyết toán vốn Nhà nước, cụ thể như sau:

Ngày 10 tháng 10 năm 2016, giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” được phê duyệt bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Ảnh hưởng của vấn đề này đối với một số khoản mục trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

- Phải thu ngắn hạn khác giảm 23.881.541.657 VND;
- Hàng tồn kho giảm 38.743.532 VND;
- Tài sản cố định hữu hình - nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế giảm 58.650.036.275 VND và 123.784.080.323 VND tương ứng;
- Tài sản cố định vô hình - nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tăng cùng một giá trị 1.747.776.738 VND;
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tăng 6.226.000 VND; và
- Vay dài hạn tăng 41.219.984.859 VND.

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh lại một số số liệu của năm 2015 và 2014 để sửa chữa những vấn đề trên. Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015:

	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh lại	1/1/2015 (đã điều chỉnh lại)
Lợi thế thương mại	582.636.606.553	(582.636.606.553)	-
Vay dài hạn	965.129.613.980	-	965.129.613.980
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	255.388.703.932	30.665.084.556	286.053.788.488

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2016:

	1/1/2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh lại VND	Điều chỉnh hồi tố theo Quyết toán vốn Nhà nước VND	1/1/2016 (đã điều chỉnh lại) VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	235.603.055.416	15.504.823.644	-	251.107.879.060
Phải thu ngắn hạn khác	140.691.889.987	150.000.000	(23.881.541.657)	116.960.348.330
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(772.153.600)	(13.780.724.899)	-	(14.552.878.499)
Hàng tồn kho	29.774.345.880	10.558.922.152	(38.743.532)	40.294.524.500
Phải thu dài hạn khác	743.181.000	(150.000.000)	-	593.181.000
Tài sản cố định hữu hình	3.080.002.255.887	-	65.134.044.048	3.145.136.299.935
<i>Nguyên giá</i>	6.385.229.257.734	-	(58.650.036.275)	6.326.579.221.459
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(3.305.227.001.847)	-	123.784.080.323	(3.181.442.921.524)
Tài sản cố định vô hình	1.951.823.039	-	-	1.951.823.039
<i>Nguyên giá</i>	32.475.549.100	-	1.747.776.738	34.223.325.838
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(30.523.726.061)	-	(1.747.776.738)	(32.271.502.799)
Phải thu dài hạn của khách hàng	15.504.823.644	(15.504.823.644)	-	-
Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	(13.780.724.899)	13.780.724.899	-	-
Đầu tư vào các công ty liên kết	163.029.568.615	71.251.047.448	-	234.280.616.063
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	95.299.957.448	(77.551.047.448)	6.226.000	17.755.136.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(6.305.000.000)	6.300.000.000	-	(5.000.000)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10.558.922.152	(10.558.922.152)	-	-
Lợi thế thương mại	521.306.437.441	(521.306.437.441)	-	-
Vay dài hạn	766.847.585.982	-	41.219.984.859	808.067.570.841
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	(613.301.691.109)	-	(613.301.691.109)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	370.896.388.122	91.995.253.668	-	462.891.641.790

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh lại VND	2015 (đã điều chỉnh lại) VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	227.072.840.560	(61.330.169.112)	165.742.671.448
Lợi nhuận kế toán trước thuế	646.962.724.250	61.330.169.112	708.292.893.362
Lợi nhuận sau thuế TNDN	521.375.782.003	61.330.169.112	582.705.951.115
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	382.035.101.992	61.330.169.112	443.365.271.104
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.168,45	187,58	1.356,02

26 -03- 2017

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Phạm Hồng Minh
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

Số: 639 /CHP

“V/v giải trình biến động kết quả
kinh doanh trong BCTC năm 2016
đã được kiểm toán”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán PHP) xin giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính riêng năm 2016 đã được kiểm toán so với năm 2015 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
1	Lợi nhuận sau thuế BCTC riêng	449.403.281.638	355.764.372.759

Từ ngày 01/02/2016, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thực hiện giải thể Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu và Chi nhánh Cảng Bạch Đằng, thành lập Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu. Công ty chuyển Trung tâm y tế thành Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng, chuyển Trường trung cấp nghề Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng thành Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng. Cảng Hải Phòng sở hữu 100% vốn tại các công ty này. Vì vậy, các chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Giá vốn hàng bán trong Báo cáo tài chính riêng năm 2016 không bao gồm Doanh thu và giá vốn của các công ty TNHH MTV nêu trên dẫn đến chỉ tiêu Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong Báo cáo tài chính riêng năm nay thấp hơn năm trước.

Trong năm 2015, Công ty hạch toán chi phí lãi vay đối với Giá trị cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ thời gian từ 1/7/2014 đến 31/12/2015 (18 tháng) nên chi phí lãi vay năm 2016 thấp hơn so với năm 2015. Tuy nhiên do Tỷ giá đồng Yên Nhật tại ngày 31/12/2016 tăng so với thời điểm cuối năm trước ảnh hưởng lệch tỷ giá, đồng thời Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngoài doanh nghiệp dẫn đến Chi phí tài chính năm 2016 cao hơn so với năm 2015.

Mặt khác, Doanh thu hoạt động tài chính năm 2016 biến động tăng so năm 2015 do:

- Công ty nhận được cổ tức từ các công ty con trả cao hơn năm trước.
- Công ty nhận được Lợi nhuận sau thuế năm 2016 của các công ty TNHH MTV sở hữu 100% chuyển về.

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 trên Báo cáo tài chính riêng là 449.403.281.638 đồng, tăng 26,32% so với năm 2015.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi; - *Ch*
- Chủ tịch HĐQT Cty (để b/cáo);
- Tổng Giám đốc Cty (để b/cáo);
- Lưu VT, P.TCKT.



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Minh

Số: 638 /CHP

Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2017

*“V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của
kiểm toán trong BCTC năm 2016 đã
được kiểm toán”*

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán PHP) xin giải trình 02 ý kiến ngoại trừ của kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm kế toán từ ngày 1/1/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty như sau:

I. Báo cáo tài chính riêng

Ý kiến “Tài sản cố định của Công ty là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 là thời điểm Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Công ty đã ghi nhận các tài sản nói trên theo giá trị định giá lại khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT phê duyệt giá trị quyết toán của các tài sản này và yêu cầu Công ty nhận nợ khoản vay vốn ODA liên quan đến các tài sản này do nguồn vốn đầu tư dự án hình thành các tài sản nói trên trước đây bao gồm vốn vay ODA và vốn Nhà nước. Giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” được phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2016 bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, trong năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay bằng VND và điều chỉnh hồi tố giá trị tài sản cố định hữu hình. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước theo biên bản trên có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng. Chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này đối với các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến tài sản cố định hữu hình – nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, phải thu về cổ phần hóa, vay ngắn hạn, vay dài hạn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.”

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ này đã được nêu từ giai đoạn công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 1/7/2014 và đã được Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng giải trình bằng văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trong BCTC năm 2014, năm 2015 và BCTC bán niên năm 2016 đã được soát xét. Cho đến ngày 31/12/2016, Bộ Tài chính chưa phê duyệt phương án vay trả các khoản vay liên quan đến quyết toán vốn ODA nên vẫn tồn tại ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên.

II. Báo cáo tài chính hợp nhất

1. Ý kiến "Nhu được trình bày tại Thuyết minh 6(b), Công ty không thể thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc, một công ty liên kết của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016. Vì vậy, khoản đầu tư vào công ty liên kết này đã được phản ánh theo nguyên giá mà không được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Cũng do không có báo cáo tài chính của công ty liên kết này, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến đầu tư vào các công ty liên kết, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015."

Ngày 18/06/2014, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định số 9228/14 về việc thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của CTCP Vinalines Đông Bắc. Do CTCP Vinalines Đông Bắc đã dừng hoạt động nên Cảng Hải Phòng không thể thu thập được các bằng chứng cần thiết về việc hạch toán khoản đầu tư vào công ty liên kết này để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, kiểm toán có đề cập lại ý kiến ngoại trừ đối với Tài sản cố định của Công ty là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty. Công ty đã giải trình ý kiến này ở mục I.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin giải trình các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán nêu trên đến Quý cơ quan để làm rõ hơn các thông tin trong báo cáo tài chính cũng như để Quý vị cổ đông và nhà đầu tư hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi; *Al*
- Chủ tịch HĐQT Cty (để b/cáo);
- Tổng Giám đốc Cty (để b/cáo);
- Lưu Thư ký Cty, VT, TCKT.



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Minh